**Bài 5**

**KHÁT VỌNG CÔNG LÍ**

**(Truyện thơ Nôm - 17 tiết , trong đó có 4 tiết ôn tập và kiểm tra cuối học kì I)**

**Tiết 56,57**

**Văn bản 1: LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

**(Trích Truyện Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu)**

**I. MỤC TIÊU**

**Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- NL giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

**2. Phẩm chất**

- Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.

- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của HS), giấy A4, A0/A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to, tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động *Mở đầu*) hoặc nội dung các VB đọc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

- Xác định được nhiệm vụ học tập của phần Đọc.

- Tạo hứng thú về chủ đề học tập *Khát vọng công lí.*

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học

***c. Sản phẩm***:

- Thái độ của HS tham gia hoạt động học tập.

- Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

- Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Cá nhân HS đọc một số từ khoá như: *khát vọng, công lí, VB văn học*; sau đó trả lời câu hỏi: Em hiểu thế nào là công lí, khát vọng? Những từ khoá ấy khiến em liên tưởng đến (những) điều gì? Em đã từng đọc hay học những VB văn học thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng trong cuộc sống, xã hội chưa?  (2) HS đọc lướt nội dung phần Đọc và trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ học tập chính của các em về Đọc ở bài học này là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1- 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:*  (1) GV nhận xét câu trả lời của HS, GV hướng dẫn HS chốt lại tên chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học.  (2) *Kết luận, nhận định:*GV hướng dẫn HS tóm tắt nhiệm vụ học tập của phần Đọc. | (1)  \* Khát vọng công lí  - Khát vọng là: Điều mong muốn, đòi hỏi rất mạnh mẽ  - Công lí: sự công bằng hay chính nghĩa, sự đúng đắn, lẽ phải  🡪 Khát vọng công lí: Mong muốn về một xã hội công bằng, tự do, hạnh phúc, lẽ phải được tôn trọng,...  - Một số tác phẩm thể hiện ước mơ về sự công bằng: Thạch Sanh, Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, Sọ Dừa,...  (2)  *\** Nhiệm vụ học tập của phần Đọc:  - Tên chủ điểm: *Khát vọng công lí*  - Thể loại chính: *Truyện thơ*  - Các văn bản  + VB 1 (*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*)  + VB 2(*Thuý Kiều báo ân, báo oán*)  🡪 hình thành kĩ năng đọc *VB truyện thơ Nôm*  + VB Đọc kết nối chủ điểm(*Nhân vật lí tưởng trong kết thúc của truyện cổ tích thần kì*)  🡪 tìm hiểu thêm về chủ điểm của bài học;  + VB Đọc mở rộng theo thể loại(*Tiếng đàn giải oan*)  🡪 thực hành kĩ năng đọc *VB truyện thơ Nôm*. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức đọc hiểu**

**1.1. Đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt kiến thức nền về một số VB văn học đã học.

- Bước đầu nhận biết được đôi nét cơ bản về lịch sử văn học Việt Nam.

***b. Nội dung:***Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu về tri thức đọc hiểu

***c. Sản phẩm*:** Sơ đồ tóm tắt lịch sử văn học Việt Nam.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*Nhóm 2 HS thực hiện những nhiệm vụ học tập sau:  (1) Đọc nội dung *Đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam* trong SGK, tóm tắt nội dung bằng hình thức sơ đồ phù hợp (hoặc thực hiện theo **PHT số 1**)  (2) Xác định ít nhất 1 - 2 tác phẩm văn học mà em đã biết cho từng bộ phận văn học đính kèm vào sơ đồ.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự: (1) 🡪 (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 3 nhóm HS trình bày sơ đồ tóm tắt có tên VB văn học cụ thể minh hoạ cho mỗi bộ phận. Các nhóm khác bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét sản phẩm học tập của HS, chốt lại nội dung cơ bản về lịch sử văn học Việt Nam bằng sơ đồ. | Đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam: PHT số 1 |

**1.2. Truyện thơ Nôm**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt kiến thức nền về đặc điểm của thể loại truyện.

- Bước đầu nhận biết được một số yếu tố của truyện thơ Nôm.

***b. Nội dung:*** Hs đọc tri thức Ngữ văn để tìm hiểu về đặc điểm của thể loại truyện.

***c. Sản phẩm*:** Nội dung bảng tóm tắt các cách trình bày thông tin.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS đọc SGK mục *Truyện thơ Nôm*, hoàn thành PHT số 2 để tìm hiểu về thể loại  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện 1 - 2 nhóm HS trình bày. Các nhóm khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chốt lại đặc điểm của truyện thơ Nôm. |  |
| **PHT số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phân loại** | **Xét theo ngôn ngữ và đặc điểm nghệ thuật** |  | | **Xét theo tác giả** |  | | **Thể thơ** | |  | | **Cốt truyện** | |  | | **Nhân vật** | **Tuyến nhân vật** |  | | **Đặc điểm** |  | | **Lời thoại** | |  |   **Gợi ý PHT số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phân loại** | **Xét theo ngôn ngữ và đặc điểm nghệ thuật** | Truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học. | | **Xét theo tác giả** | Truyện thơ Nôm khuyết danh và hữu danh. | | **Thể thơ** | | Lục bát. | | **Cốt truyện** | | + Gặp gỡ (hội ngộ) – tai biến (lưu lạc) – đoàn tụ (đoàn viên).  + Nhân quả (ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ). | | **Nhân vật** | **Tuyến nhân vật** | + Nhân vật chính diện (cái tốt đẹp, tiến bộ).  + Nhân vật phản diện (cái xấu, cái ác, bảo thủ). | | **Đặc điểm** | + Xây dựng theo khuôn mẫu: chàng trai tài giỏi, nghĩa khí; cô gái xinh đẹp, nết na…  + Có nhân vật kì ảo như đồ vật hay loài vật thần kì.  + Tính cách thể hiện qua hành động, ngôn ngữ… | | **Lời thoại** | | Gồm đối thoại và độc thoại (phần lớn là đối thoại). | | |

**2. Hoạt động đọc văn bản 1: *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga***

**2.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi ở mục Chuẩn bị đọc.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu hỏi *Chuẩn bị đọc*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  - Cách 1: Nối nhân vật ở cột A với tính cách ở cột B sao cho phù hợp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** |  | **Tính cách** | | Chí Phèo (1) | Người ghen tuông (a) | | Hoạn Thư (2) | Người hay ăn vạ (b) | | Lục Vân Tiên (3) | Người lẳng lơ (c) | | Thị Màu (4) | Người nghĩa hiệp (d) | |  | | |   - Cách 2: Gv tổ chức trò chơi **“Hoa năm cánh”**. Có 5 phẩm chất ẩn dưới các cánh hoa, Hs trả lời câu hỏi để tìm được các phẩm chất.  Câu 1: Đây là danh hiệu mà tổ chức Unesco vinh danh những những con người, những nhân vật nổi tiếng, kiệt xuất, có cống hiến lớn lao cho nền văn hóa dân tộc.  Câu 2: Đây là nơi nào?  *Nơi nào thành quách dọc ngang*  *Xa gần nức tiếng kinh thành cố đô*  Câu 3: Đây là tên gọi trước đây của Thành phố Hồ Chí Minh, với hàm ý nói vùng đất đã được sắp xếp an ổn, vững vàng.  Câu 4: Hai câu thơ sau trích trong bài thơ nào?  *Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,*  *Mất ổ bầy chim dáo dác bay.*  Câu 5: Điền từ còn thiếu vào câu thơ:  *“Thà ... mà giữ đạo nhà*  *Còn hơn có mắt ông cha không thờ”*  Sau đó giáo viên hỏi: Những phẩm chất vừa lật gợi đến con người ở vùng miền nào?  - Cách 3: Nhân vật anh hùng mà em yêu thích là ai? Điều gì ở nhân vật ấy gây ấn tượng nhất với em?  - Cách 1: Đây là kết quả tìm kiếm trên google cụm từ *“Lục Vân Tiên đời thường”.* Em hãy hình dung về nhân vật Lục Vân Tiên.    *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài: Có những nhân vật văn học đã trở thành những hình tượng sống động, điển hình trong đời sống, đến mức chỉ cần nhìn thấy một sự việc người người ta ngay lập tức liên tưởng đến nhân vật đó. Nói đến người phụ nữ ghen tuông, cay nghiệt sẽ nhắc đến Hoạn Thư, người hay ăn vạ, làm liều sẽ nghĩ ngay đến Chí Phèo và khi nhắc đến những người nghĩa hiệp, dũng cảm, người ta nhắc ngay đến nhân vật Lục Vân Tiên. Trong phạm vi của tiết học này, chúng ta sẽ biết được tại sao Lục Vân Tiên lại gắn với hình tượng con người nghĩa hiệp, dũng cảm. | - Cách 1:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** |  | **Tính cách/ số phận** | | Chí Phèo | Người ghen tuông | | Hoạn Thư | Người hay ăn vạ | | Lục Vân Tiên | Người lẳng lơ | | Thị Màu | Người nghĩa hiệp | | 1- b; 3-d  2-a; 4-c | | |   - Cách 2:  Câu 1: Danh nhân văn hóa thế giới (lật mở từ bộc trực  Câu 2: Huế (lật mở từ thẳng thắn)  Câu 3: Gia Định (lật mở từ nghĩa hiệp)  Câu 4: Chạy giặc (lật mở từ hào sảng)  Câu 5: Từ “Đui” (lật mở từ chất phác)  🡺 Con người Nam Bộ  - Cách 3:  + Nhân vật anh hùng mà em yêu thích nhất là Thánh Gióng.  + Điều ở nhân vật gây ấn tượng nhất với em là sự dũng cảm, gan dạ. Sau khi nghe tin đất nước có giặc ngoại xâm, thánh Gióng không ngần ngại, lập tức nhờ triều đình rèn cho mình áo giáp, vũ khí, ngựa để đánh giặc. Chàng một mình lao ra chiến trường, nhổ bụi tre mà đánh thắng được giặc Ân.  - Cách 4: Lục Vân Tiên là người dũng cảm, sẵn sàng xả thân cứu người,... |

**2.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-*HS đọc thầm VB, tự ghi chép và trả lời câu hỏi trong SGK theo **PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/ Kĩ năng đọc** | **Câu trả lời** | | Em hình dung ra sao về cảnh “tả đột hữu xung” của Lục Vân Tiên trong đoạn thơ này? |  | | Việc Vân Tiên bảo Nguyệt Nga “khoan khoan ngồi đó chớ ra..” cho thấy chàng là người như thế nào? |  | | Hai dòng thơ cuối văn bản gợi cho em suy nghĩ gì? |  |   - Em hãy giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 4**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc VB, ghi chép ý chính, từ khoá, ý tưởng và tìm câu trả lời cho câu hỏi Theo dõi, Suy luận trong SGK.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trình bày kết quả trả lời hai câu hỏi Theo dõi, Suy luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS và bổ sung. | **2.2.1 Đọc**  - HS đọc  - Câu hỏi trong hộp chỉ dẫn   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/ Kĩ năng đọc** | **Câu trả lời** | | Em hình dung ra sao về cảnh “tả đột hữu xung” của Lục Vân Tiên trong đoạn thơ này? | Đây là một trận đánh không cân sức: một bên là toán cướp hùng hổ, hung dữ, được trang bị đầy đủ vũ khí, một bên thân cô thế cô với vũ khí là cây gậy. | | Việc Vân Tiên bảo Nguyệt Nga “khoan khoan ngồi đó chớ ra..” cho thấy chàng là người như thế nào? | Giữ đúng chuẩn mực đạo đức, lễ giáo phong kiến xưa. | | Hai dòng thơ cuối văn bản gợi cho em suy nghĩ gì? | Lí tưởng anh hùng cao cả, làm việc nghĩa tự nguyện, giúp người không cần trả ơn. |   **2.2.2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) quê gốc ở tỉnh Thừa Thiên (nay là Thừa Thiên Huế) nhưng được sinh ra ở ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh)  - Ông đỗ tú tài năm 1843, năm 1849 ra Huế chuẩn bị thi tiếp thì mẹ mất, phải về Gia Định chịu tang. Trên đường về, Nguyễn Đình Chiểu ốm nặng, bị mù cả hai mắt.  - Ông là tấm gương mẫu mực về nghị lực sống phi thường, khí tiết thanh cao và lòng yêu nước tha thiết, mãnh liệt.  - Nguyễn Đình Chiểu để lại một di sản văn chương quý giá, gồm các tác phẩm truyện thơ Nôm: Truyện Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngư Tiều y thuật vấn đáp; một số bài văn tế và thơ Đường luật.  - Năm 2021, Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO ra nghị quyết vinh danh và kỉ niệm 200 năm ngày sinh của ông.  **b. Tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên**  - Truyện Lục Vân Tiên là một tác phẩm truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu được sáng tác theo thể lục bát vào đầu những năm 50 của thế kỷ 19.  - Truyện Lục Vân Tiên ngợi ca những con người hiếu thảo, nhân hậu, thuỷ chung, nghĩa khí; lên án những kẻ phi nghĩa, bất nhân; thể hiện khát vọng công lí và ước mơ của nhân dân về mẫu người anh hùng “cứu khốn, phò nguy”.  **c. Đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga**  - Nằm ở phần đầu của tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên, từ câu 123 đến câu 180  - Nội dung: kể lại sự việc Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu được Kiều Nguyệt Nga. |

**2.3. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.3.1. Tìm hiểu một số yếu tố của truyện**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 1, 2, 3, 4 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của nhóm HS cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Hs thực hiện thảo luận nhóm đôi  + Tóm tắt các sự việc được kể và xác định bố cục của văn bản  + Theo em, nhan đề Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga có thể hiện được nội dung bao quát của văn bản không? Vì sao?  - Gv chia lớp thành 6 nhóm  *+ Nhóm 1,2: Hoàn thiện* ***PHT số 5 (phụ lục)*** *để tìm hiểu về Lục Vân Tiên khi đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga*  *+ Nhóm 3,4: Hoàn thiện* ***PHT số 6*** *để tìm hiểu về Lục Vân Tiên khi trò chuyện cùng Kiều Nguyệt Nga*  ***PHT số 6***   |  | | --- | | *1. Em hãy liệt kê những lời thoại của Lục Vân Tiên trong cuộc trò chuyện với Kiều Nguyệt Nga. Qua mỗi lời thoại, nhân vật Lục Vân Tiên hiện lên như thế nào?*  *....................................................................................................................................................................................................*  *....................................................................................................................................................................................................*  *2. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật*  *....................................................................................................................................................................................................*  *3. Nhận xét về phẩm chất của nhân vật Lục Vân Tiên*  *....................................................................................................................................................................................................* |   *+ Nhóm 5,6: Phân tích nhân vật Kiều Nguyệt Nga theo* ***PHT số 7***  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ học tập  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | **2.3.1. Tìm hiểu một số yếu tố của truyện**  **a. Các sự việc được kể và bố cục của văn bản**  **-** Các sự việc được kể: Vân Tiên tả đột hữu xung, đánh tan bọn cướp Phong Lai 🡪 Nguyệt Nga muốn đền công cứu mạng nhưng bị Vân Tiên từ chối.  - Bố cục VB:  + Từ đầu đến *“… thác rày thân vong*”: Vân Tiên đánh tan bọn cướp Phong Lai.  + “*Dẹp rồi lũ kiến chòm ong*” đến hết: Nguyệt Nga muốn đền công cứu mạng nhưng bị Vân Tiên từ chối.  **b. Nhan đề:** Nhan đề đã thể hiện được nội dung bao quát của VB vì nội dung chính của VB kể về việc Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.  **c. Hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên**  **\* Đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga**  -Hoàn cảnh: trên đường đi thi, ghé về thăm nhà thì gặp giặc cướp  -Thái độ: bất bình  - Tình thế: đơn độc (một mình) tay không, trong khi bọn cướp hung tợn *“mặt đỏ phừng phừng”,* thách thức *“thằng nào dám tới lẫy lừng vào đây”* và *“truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng”*  -Hành động: bẻ cây làm gậy, xông vô; tả đột hữu xông, đánh bọn Phong Lai *“Thác rày thân phong”*  -Lời nói: *“Kêu rằng bớ đảng hung đồ/ Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”.*  🡪Anh hùng hào hiệp, giàu lòng nhân ái, dám xả thân vì việc nghĩa  **\* Trò chuyện với Kiều Nguyệt Nga**  - Lời nói:  + *Hỏi ai than khóc ở trong xe này”* 🡪 quan tâm, sẵn sàng giúp đỡ.  + *Đáp rằng* *“ta đã trừ dòng lâu la”* 🡪 an ủi.  + *“Khoan khoan ngồi đó chớ ra/ Nàng là phận gái ta là phận trai”* 🡪 hiểu và xem trọng lễ giáo, cư xử đúng mực, coi trọng danh dự.  *+ “Làm ơn há để trông người trả ơn*  *Nay đã rõ đặng nguồn cơn*  *Nào ai tính thiệt so hơn làm gì*  *Nhớ câu kiến nghĩa bất vi*  *Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”*  🡪 Trọng nghĩa khinh tài  **\* Nghệ thuật:** Miêu tả nhân vật qua hành động, lời nói; thủ pháp đối lập.  🡺 Vân Tiên là nhân vật anh hùng chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, nhân hậu.  **d. Hình tượng nhân vật Kiều Nguyệt Nga**  - Thái độ đối với Lục Vân Tiên: biết ơn 🡪 trọng nghĩa.  - Cử chỉ: cúi đầu lạy; lời nói: thưa, gửi: *“Thưa rằng,…/ Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa…”.* 🡪 lễ phép, khiêm nhường, đoan trang, khuôn phép  - Cư xử: mời lên ngồi, mời đến nhà để được đền đáp ơn Vân Tiên 🡪 cách ứng xử ân tình, ân nghĩa.  - Là người con hiếu thảo: khi cha cho quân rước đi để định bề nghi gia, nàng nhất mực nghe theo và khẳng định “*làm con đâu dám cãi cha*”.  🡪 Nguyệt Nga là cô gái có đầy đủ phẩm chất của một người phụ nữ lí tưởng: công, dung, ngôn, hạnh, trọng tình nghĩa. |

***2.3.2. Tìm hiểu chủ đề, thông điệp của văn bản***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 5, 6 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 5, 6 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 4 - 6 HS trả lời câu 5, 6 trong SGK.  - Xác định chủ đề của văn bản và phân tích các căn cứ giúp em xác định chủ đề đó.  - Tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua văn bản? Ngày nay, thông điệp ấy có còn giá trị không? Vì sao?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ,  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1- 2 nhóm HS trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận. | **-** Chủ đề: Lòng nhân ái, tinh thần xả thân vì việc nghĩa “Làm ơn há dễ trông người trả ơn”. Căn cứ xác định: cách miêu tả hành động, lời nói của Lục Vân Tiên cho thấy chàng sẵn sàng một mình đánh dẹp bọn cướp Phong Lai để cứu người hoạn nạn, thẳng thắn từ chối khi được ngỏ ý trả ơn vì với chàng “làm ơn há dễ trông người trả ơn  - Thông điệp: Qua việc khắc hoạ hình tượng người anh hùng Lục Vân Tiên và người con gái nết na, ân tình Kiều Nguyệt Nga, đoạn trích thể hiện thông điệp về lòng nhân ái, khát vọng hành đạo giúp đời “làm ơn há dễ trông người trả ơn” đồng thời cũng nói lên quan niệm chịu ơn thì phải trả ơn của tác giả. Tinh thần trượng nghĩa “làm ơn há dễ trông người trả ơn” ấy đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Chẳng hạn như các “hiệp sĩ đường phố”, những người sẵn sàng làm tình nguyện viên giúp đỡ người hoạn nạn, khó khăn,… Bên cạnh đó, việc chịu ơn thì phải trả ơn cũng là một thông điệp nhiều ý nghĩa cho đến ngày nay vì nó thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, vốn là một đạo lí truyền thống lâu đời của dân tộc. |

***2.3.3. Liên hệ vấn đề của văn bản với một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam***

***a. Mục tiêu***: Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 7 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 7 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Tìm hiểu sự nghiệp, quá trình sáng tác thơ văn của tác giả Nguyễn Đình Chiểu và chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt (nếu có) giữa:  a. Hoàn cảnh, mục đích sáng tác Truyện Lục Vân Tiên và các tác phẩm khác của ông như Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc,...  b. Tình cảm, cảm xúc của tác giả khi kể lại hành động Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga trong Truyện Lục Vân Tiên và khi nhắc đến “trang dẹp loạn” trong bài thơ Chạy giặc (xem thêm Ngữ văn 8, tập hai, bộ sách Chân trời sáng tạo).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ,  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1- 2 nhóm HS trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận dựa trên một số gợi ý sau: | a.Hoàn cảnh sáng tác của các tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên, Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ  Cần Giuộc*:  - Điểm tương đồng: đều được sáng tác trong thế kỉ XIX, dưới chế độ phong kiến.  - Điểm khác biệt:  + Hoàn cảnh sáng tác: *Chạy giặc* và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được sáng tác trong bối cảnh đất nước ta đang bị Pháp tấn công. Dù không có tư liệu ghi rõ thời điểm sáng tác của tác phẩm *Chạy giặc* nhưng căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử, cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu và nhất là nội dung tác phẩm, có thể suy đoán bài thơ này đã được tác giả viết ngay sau khi thành Gia Định bị thực dân Pháp bắt đầu tấn công. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được sáng tác theo yêu cầu của Tuần phủ Gia Định sau thất bại của trận tập kích đồn Pháp ở Cần Giuộc vào đêm rằm tháng 11 năm Tân Dậu (ngày 16 tháng 12 năm 1861) để đọc tại buổi truy điệu các nghĩa sĩ đã hi sinh trong trận đánh.  + Mục đích sáng tác: *Truyện Lục Vân Tiên:* tác giả muốn đem gương người xưa mà khuyên người ta về cương thường - đạo nghĩa, bàn đạo làm người với quan niệm văn dĩ tải đạo; *Chạy giặc*: tác giả muốn thể hiện lòng yêu nước và phản đối sự xâm lăng của thực dân Pháp; *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*: tác giả ca ngợi những người anh hùng áo vải đã hi sinh vì đất nước.  b. Tình cảm, cảm xúc của của tác giả khi kể lại hành động Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga trong *Truyện Lục Vân Tiên*: ca ngợi tài năng, đức độ của một nhân vật anh hùng. Tình cảm, cảm xúc của tác giả khi nhắc đến “trang dẹp loạn” trong bài thơ *Chạy giặc*: sự thất vọng, sự trông đợi đến mỏi mòn, có phần oán thán khi chất vấn về sự vắng bóng của những “trang dẹp loạn” trong hoàn cảnh đất nước bị giày xéo dưới gót giày quân xâm lược. |

**2.4. Khái quát đặc điểm thể loại**

***2.4.1. Khái quát đặc điểm truyện thơ Nôm***

***a. Mục tiêu:*** Khái quát được một số đặc điểm của truyện thơ Nôm qua việc đọc VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*.

***b. Nội dung:*** Hs chỉ ra một số đặc điểm của truyện thơ Nôm (xem lại *Tri thức Ngữ văn*) được thể hiện trong VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về đặc điểm truyện thơ Nôm qua việc đọc VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.*

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS đọc lại mục *Truyện thơ Nôm* trong SGK, cho biết những đặc điểm ấy được thể hiện như thế nào trong *VB Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*1 - 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV góp ý câu trả lời của HS. | Một số đặc điểm của truyện thơ Nôm (xem lại *Tri thức Ngữ văn*) được thể hiện trong VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*:  - Cốt truyện: Cốt truyện của *Truyện Lục Vân Tiên* thuộc mô hình: gặp gỡ (hội ngộ) - tai biến (lưu lạc) - đoàn tụ (đoàn viên). VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* kể về những sự việc xảy ra ở phần gặp gỡ(hội ngộ).  - Nhân vật: Nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga trong VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* mang đặc điểm của nhân vật truyện thơ Nôm vì họ thuộc nhân vật chính diện (đại diện cho cái tốt đẹp), bọn cướp Phong Lai là nhân vật phản diện (đại diện cho cái xấu, cái ác). Hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga được xây dựng theo khuôn mẫu như: chàng trai tài giỏi, nghĩa khí; cô gái xinh đẹp, nết na,…  - Lời thoại: VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* có lời thoại của các nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga và tên cướp Phong Lai. |

**2.4. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Khái quát đặc điểm truyện thơ Nôm

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân và thảo luận nhóm đôi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  *-* Nhóm 2 HS đọc lại mục *Truyện thơ Nôm* trong SGK, cho biết những đặc điểm ấy được thể hiện như thế nào trong *VB Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*1 - 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV góp ý câu trả lời của HS | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | - Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” đã lên án cái cái xấu, cái ác trong trong hội. Đồng thời, thể hiện khát vọng của nhân dân cũng như của chính tác giả hướng tới lẽ công bằng, những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Bên cạnh đó, tác phẩm cũng đã khắc họa thành công hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga với những phẩm chất cao đẹp. | - Xây dựng thành công nhân vật qua hành động, cử chỉ, lời nói.  - Ngôn từ sử dụng mộc mạc, bình dị, gần với lời ăn tiếng nói thường ngày và mang đậm màu sắc Nam Bộ. |   **2. Đặc điểm truyện thơ Nôm** **trong *VB Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.***  - Cốt truyện: Cốt truyện của *Truyện Lục Vân Tiên* thuộc mô hình: gặp gỡ (hội ngộ) - tai biến (lưu lạc) - đoàn tụ (đoàn viên). VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* kể về những sự việc xảy ra ở phần gặp gỡ(hội ngộ).  - Nhân vật: Nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga trong VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* mang đặc điểm của nhân vật truyện thơ Nôm vì họ thuộc nhân vật chính diện (đại diện cho cái tốt đẹp), bọn cướp Phong Lai là nhân vật phản diện (đại diện cho cái xấu, cái ác). Hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga được xây dựng theo khuôn mẫu như: chàng trai tài giỏi, nghĩa khí; cô gái xinh đẹp, nết na,…  - Lời thoại: VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* có lời thoại của các nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga và tên cướp Phong Lai. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Cùng Lục Vân Tiên đánh cướp”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Cùng Lục Vân Tiên đánh cướp”  Câu 1: Nhân vật Lục Vân Tiên thuộc kiểu nhân vật nào trong văn học?  A. Nhân vật tư tưởng.  **B. Nhân vật lý tưởng.**  C. Nhân vật điển hình.  D. Nhân vật sử thi.  Câu 2: “Truyện Lục Vân Tiên” được viết bằng loại chữ nào?  A. Chữ Hán  B. Chữ quốc ngữ  **C. Chữ Nôm**  D. Chữ Pháp  Câu 3: “Kiến nghĩa bất vi” được Lục Vân Tiên nhắc đến là gì?  **A. Thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là người anh hùng**  B. Thấy việc bất bình thì phải ra tay cứu giúp.  C. Thấy việc nguy hiểm thì không nên ra tay tránh tổn hại đến thân mình.  D. Thấy việc nguy hiểm thì không nên tham dự để tránh hậu họa.  Câu 4: Ý nào nói đúng nhất bản chất con người của Lục Vân Tiên trong lời nói và thái độ của chàng với Kiều Nguyệt Nga?  A. Vì nghĩa lớn, không màng danh lợi  B. Từ tâm, nhân hậu  C. Chính trực, hào hiệp  **D. Tất cả đều đúng**  Câu 5: Hai câu thơ “Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi” thể hiện tâm trạng gì của Kiều Nguyệt Nga trước việc làm của Lục Vân Tiên?  **A. Băn khoăn, áy náy vì chưa biết làm thế nào để trả ơn Lục Vân Tiên.**  B. Thán phục trước việc làm nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên.  C. Coi thường việc làm của Lục Vân Tiên.  D. Ngưỡng mộ tài năng của Lục Vân Tiên.  Câu 6: Nét đẹp nhất của nhân vật Kiều Nguyệt Nga khiến dân gian yêu mến nàng là gì?  **A. Xem trọng ơn nghĩa, chung thủy**  B. Nhu mì , xem trọng ơn nghĩa,  C. Chung thuỷ, nết na, xinh đẹp  D. Giữ đúng khuôn phép, chung thuỷ  Câu 7: Hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích gợi nhớ đến nhân vật trong truyện cổ tích nào em đã được đọc?  A. Anh Khoai trong truyện Cây tre trăm đốt  B. Người em trong truyện Cây khế  **C. Thạch Sanh trong truyện Thạch Sanh**  D. Nhà vua trong truyện Tấm Cám  Câu 8: Hai câu thơ “Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang” sử dụng phép tu từ gì?  A. Nói quá  B. Ẩn dụ  C. Nhân hóa  **D. So sánh**  Câu 9: Tác dụng của phép tu từ trong câu thơ sau là gì ?  “Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang”  A. Tô đậm vẻ đẹp của một người nông dân chất phác.  B. Ca ngợi vẻ đẹp của tấm lòng nhân hậu, vị tha.  C. Nhấn mạnh vẻ đẹp của một chàng thư sinh nho nhã.  **D. Khắc họa được vẻ đẹp của một anh hùng quả cảm.**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi và viết đoạn văn

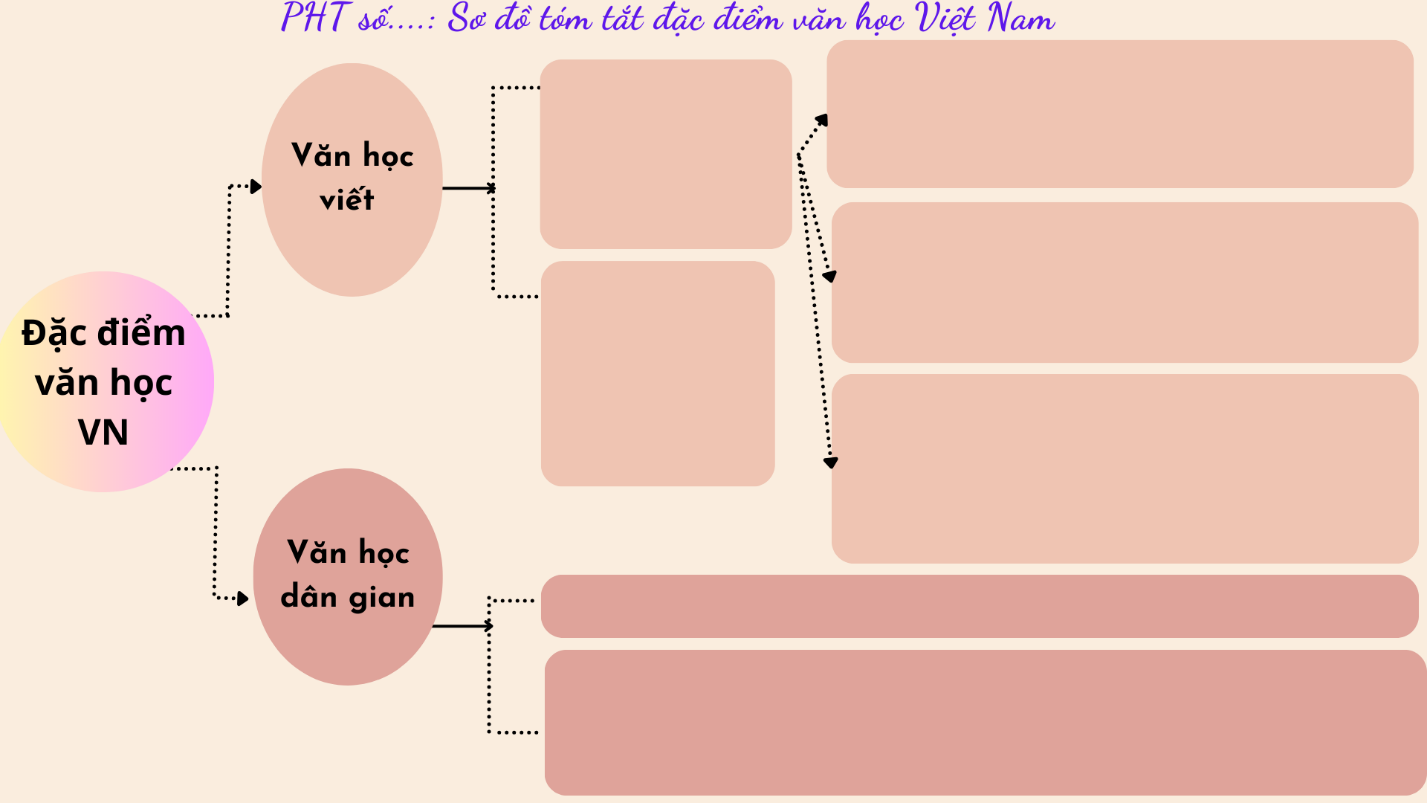
***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời và đoạn văn của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

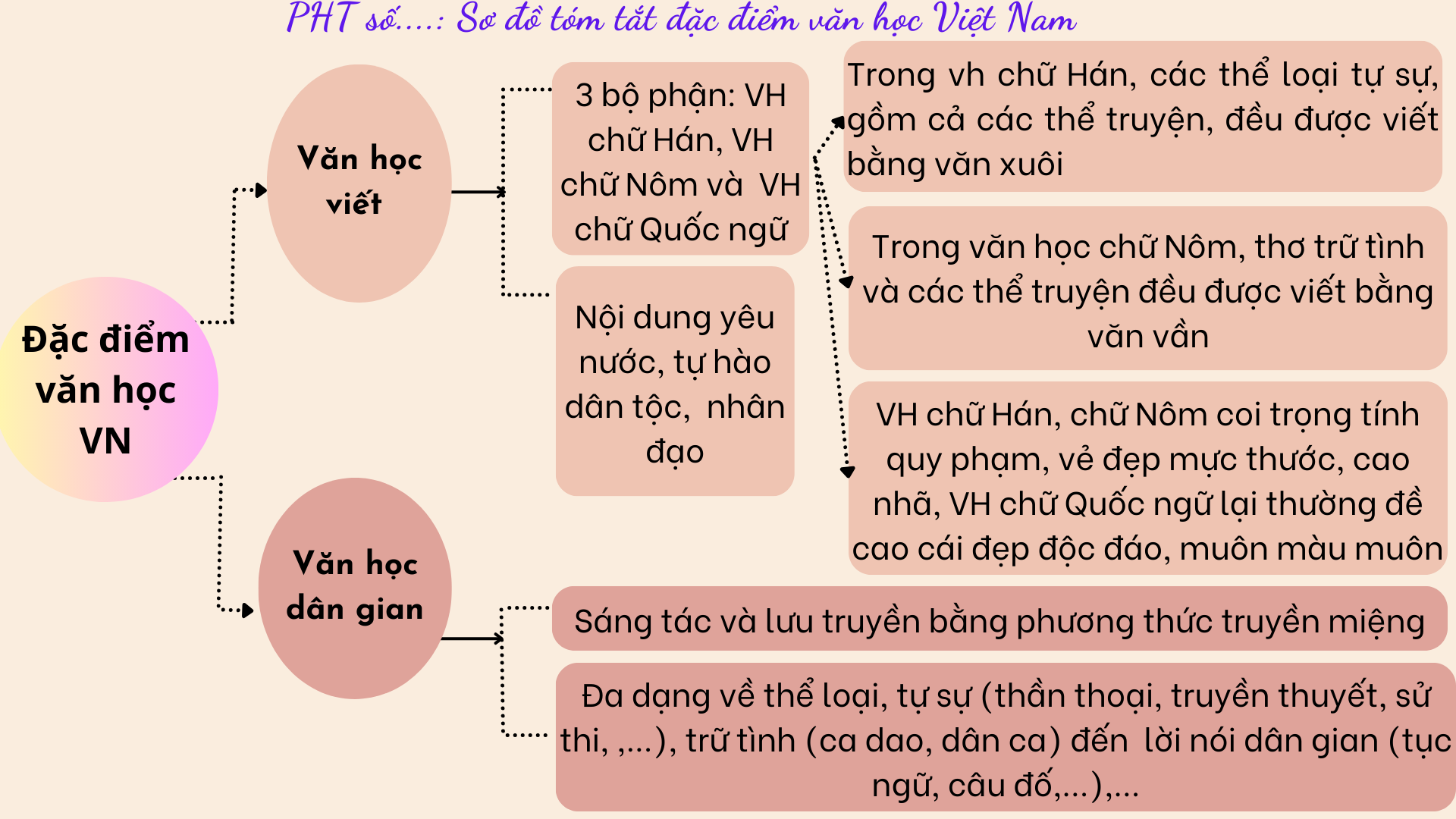
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  (1) Nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga.  (2) HS thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:  - Vẽ chân dung Lục Vân Tiên hoặc Kiều Nguyệt Nga dựa theo những chi tiết miêu tả trong đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga.*  - Đóng vai Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, tái hiện cuộc đối thoại giữa hai nhân vật sau khi bọn cướp đã bị trừng trị.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs | (1)  - Câu chuyện Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga cho thấy hành động trượng nghĩa của chàng thư sinh. Ý nghĩa của hành động này thể hiện ở chỗ: Đây việc làm vô tư, không hề nhằm mục đích đòi người được cứu giúp phải trả ơn nghĩa “Làm ơn há dễ trông người trả ơn”.  - Câu chuyện cũng thể hiện những phẩm chất đẹp đẽ của Kiều Nguyệt Nga trước người anh hùng đã cứu mình.  - Câu chuyện làm nổi bật tính cách của con người Nam Bộ, thể hiện những phẩm chất cao đẹp của họ.  - Câu chuyện cho thấy những nét đẹp trong cuộc sống mà thời nào cũng có và trách nhiệm, nghĩa cử của mỗi người chúng ta trước những vấn đề của xã hội. Ngày nay, có rất nhiều người có nghĩa cử như Lục Vân Tiên.  (2) Tranh vẽ hoặc vở kịch của HS. |

**IV. PHỤ LỤC**

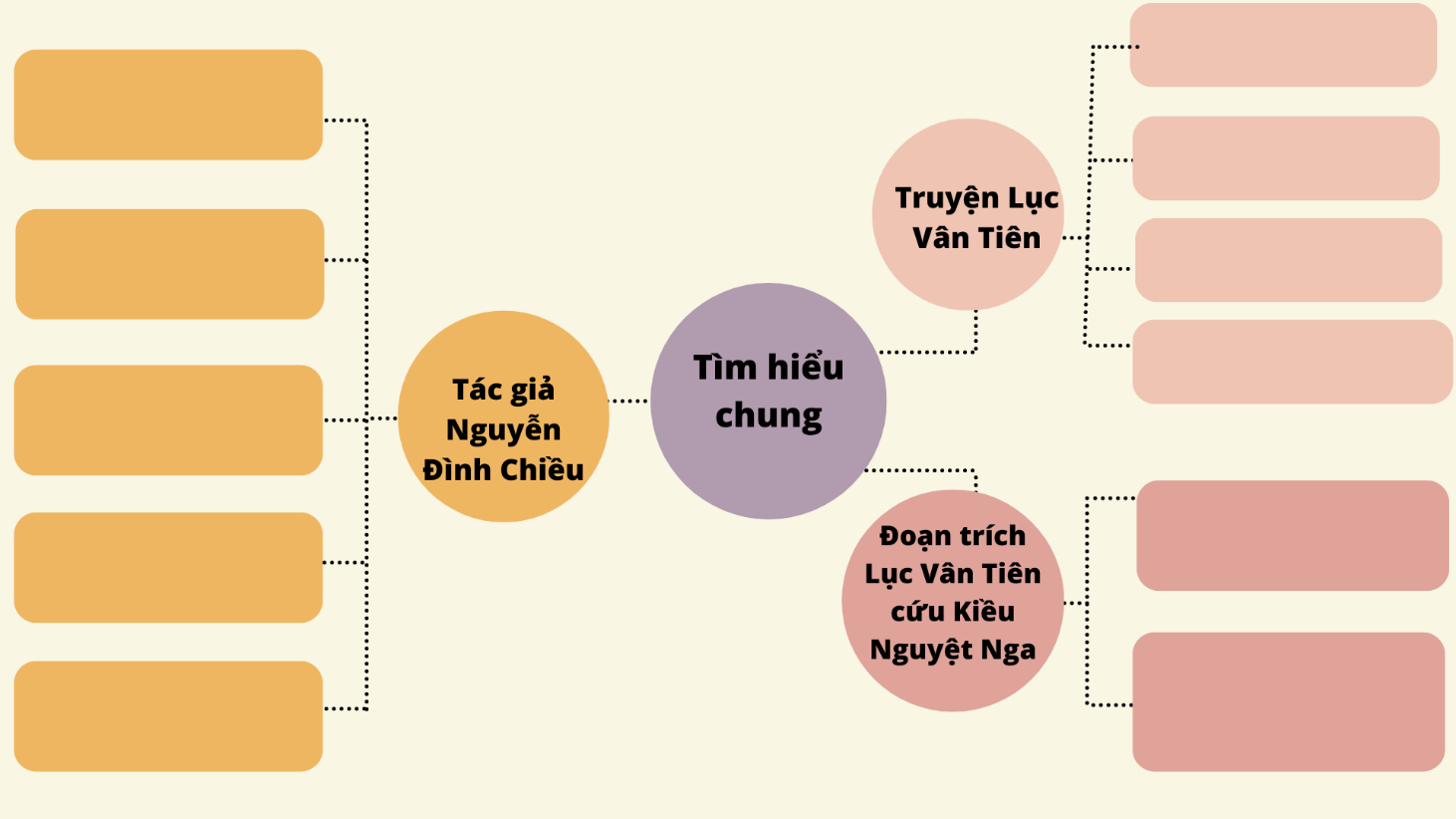
**PHT số 1**

****

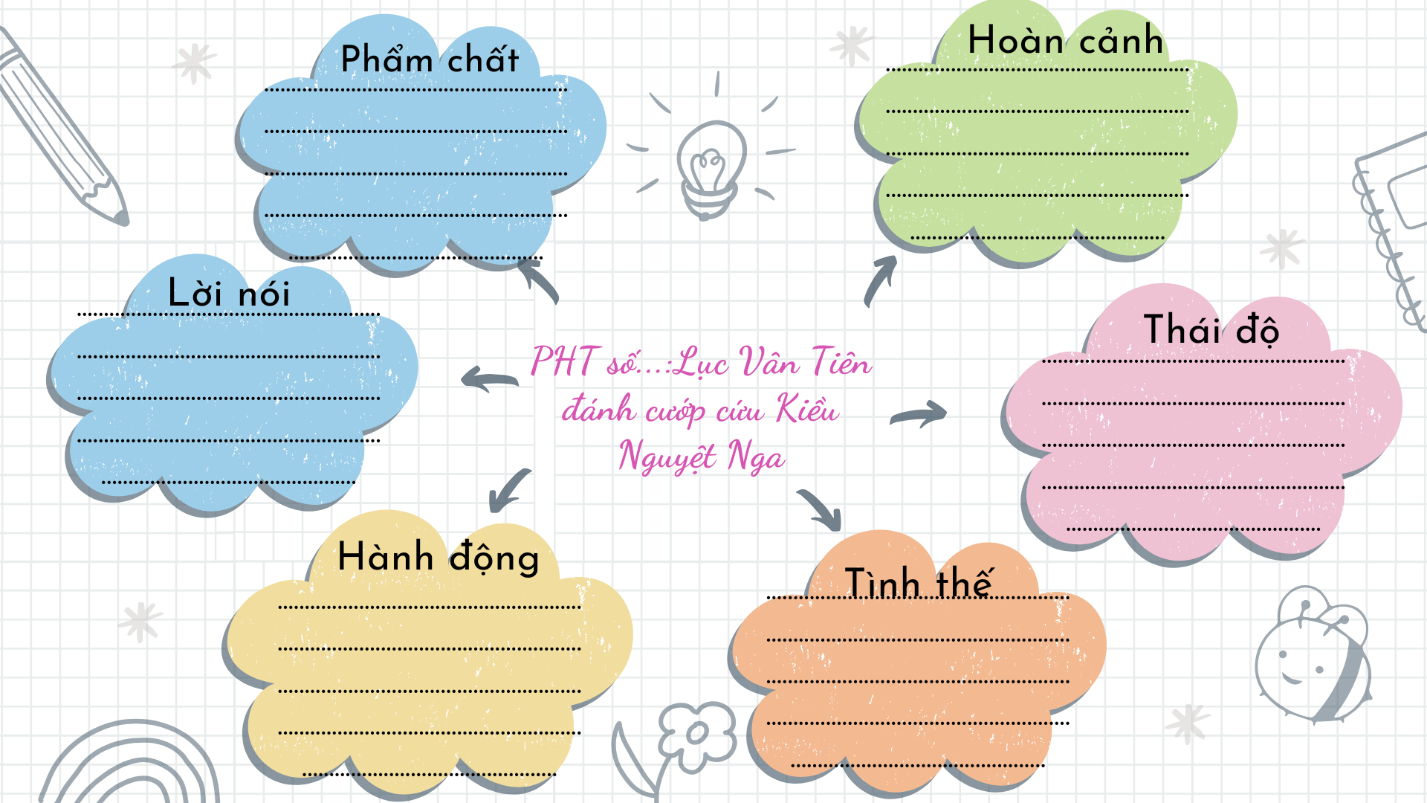
**Gợi ý PHT số 1**

****

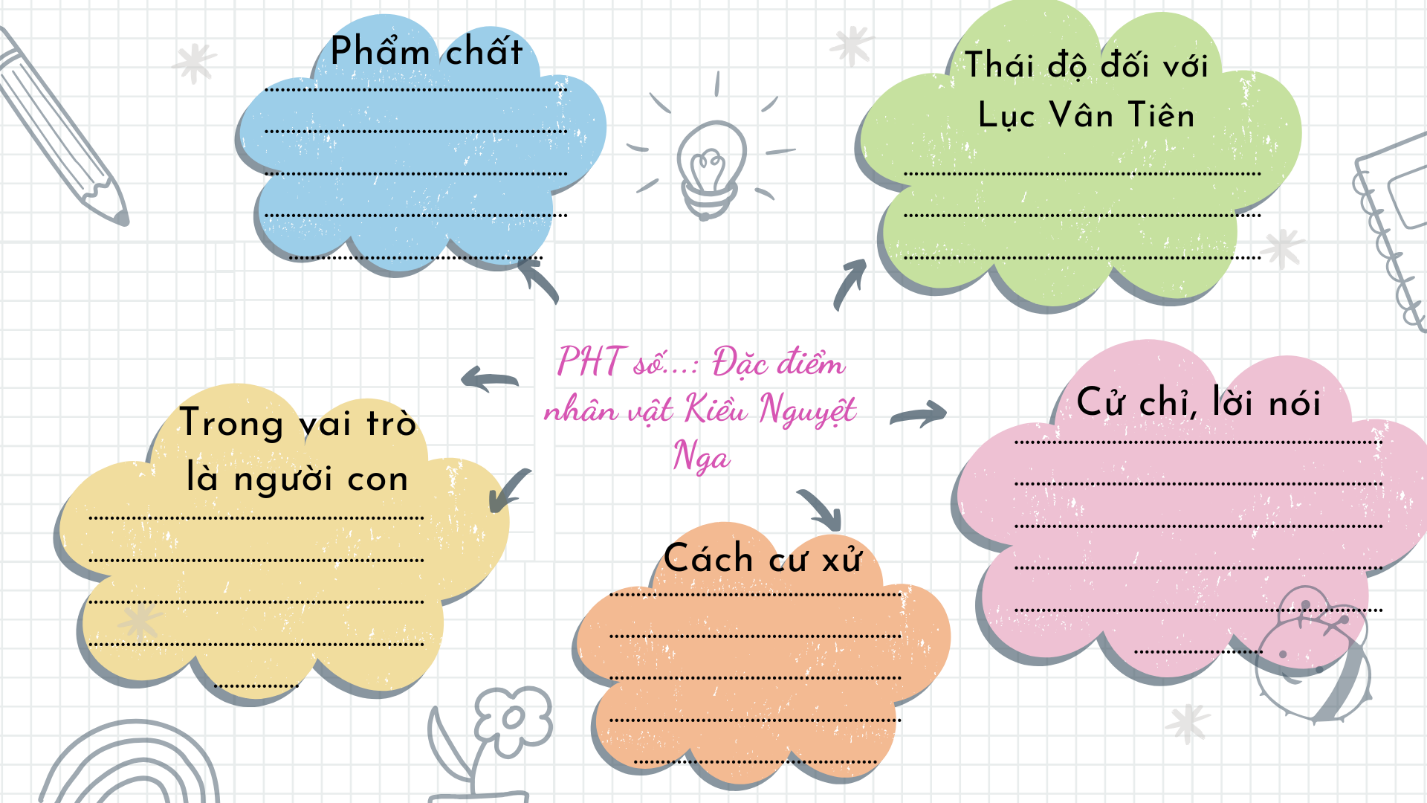
**PHT số 4**

****

**PHT số 5**

****

**PHT số 7**

****

**Tiết theo PPCT: 58,59**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC TRUYỆN THƠ NÔM**

**Văn bản 2: THÚY KIỀU BÁO ÂN BÁO OÁN**

**(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- NL giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

**2. Phẩm chất**

- Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.

- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của HS), giấy A4, A0/A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to, tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động *Mở đầu*) hoặc nội dung các VB đọc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi phần chuẩn bị đọc.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Kể tên một số nhân vật trong Truyện Kiều mà em biết. Theo em, trong số những nhân vật đó, ai là người có ơn và ai là người gây ra khổ đau cho Thúy Kiều?  - Cách 2: Gv tổ chức trò chơi “Từ khóa bí ẩn”. Từ khóa bao gồm 4 chữ: ÂN ĐỀN OÁN TRẢ. Để lật mở được các chữ, Hs phải trả lời câu hỏi  Câu 1. Tác phẩm nào được ví là *“tập đại thành của văn học Việt Nam”*?  Câu 2. Hai dòng thơ sau miêu tả về nhân vật nào trong Truyện Kiều  *“Thoắt trông nhờn nhợt màu da*  *Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao”.*  Câu 3. Hai dòng thơ sau miêu tả về nhân vật nào trong Truyện Kiều  *“Quá niên trạc ngoại tứ tuần*  *Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao”.*  Câu 4. Hai dòng thơ sau miêu tả về nhân vật nào trong Truyện Kiều  *Bề ngoài thơn thớt nói cười,*  *Mà trong nham hiểm giết người không dao.*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện trước lớp. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết các câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài. Cuộc đời của Thúy Kiều trải qua nhiều thăng trầm. Có người yêu thương nàng, giúp đỡ nàng nhưng cũng có không ít kẻ táng tận lương tâm, dồn nàng vào đường cùng. Là người sâu sắc, ân oán rõ ràng, Thúy Kiều đã trả ơn những người giúp nàng và trừng trị những kẻ gieo bi kịch đến cuộc đời nàng. Nội dung này được thể hiện ở trích đoạn “Thúy Kiều báo ân báo oán” trích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du. | ***Gợi ý***  - Cách 1:  + Người có ơn với Thúy Kiều: Thúc Sinh, Đạm Tiên, Thúy Vân, cha mẹ Thúy Kiều,...  + Người gây ra đau khổ cho Thúy Kiều: Mã Giám Sinh, Hoạn Thư, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Sở Khanh,...  - Cách 2:  + Truyện Kiều  + Tú Bà  + Mã Giám Sinh  + Hoạn Thư  🡪 Ba nhân vật khiến cho cuộc đời Thúy Kiều tăm tối, nhơ nhuốc, cùng cực,... |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:***

-Vận dụng kĩ năng đọc đã học ở lớp trước như *Theo dõi, Đọc quét* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

-Chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung *Trải nghiệm cùng VB.*

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB hoặc một số đoạn trong VB.  (2) HS trả lời câu hỏi trong hộp chỉ dẫn theo **PHT số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/**  **kĩ năng đọc.** | **Câu trả lời**  **của tôi** | | Xác định những từ ngữ được dùng để miêu tả khung cảnh Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán. |  | | Tóm tắt nội dung cuộc đối thoại giữa Từ Hải và Thúy Kiều (từ dòng 2139 đến dòng 2324). |  | | Đọc đoạn thơ từ dòng 2327 đến dòng 2332, em hình dung như thế nào về tâm trạng, giọng điệu của Kiều? |  | | Cách dùng từ “tiểu thư” để xưng hô trong lời thoại thể hiện thái độ gì của người nói đối với người nghe? |  | | Mục đích của đoạn thoại từ dòng 2365 đến dòng 2372 là gì? Chỉ ra những lí lẽ mà nhân vật đã sử dụng trong đoạn thoại. |  |   - Hs giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm theo **PHT số 2**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện 1 - 2 HS trình bày kết quả. Lưu ý HS cần trình bày rõ cách thức HS thực hiện các kĩ năng (căn cứ trả lời) để tìm ra các câu trả lời ấy.  *\* Kết luận, nhận định:*  (1) GV nhận xét về kết quả đọc thành tiếng của HS về: tốc độ đọc; mức độ to, rõ, trôi chảy, lưu loát, ngừng nghỉ hợp lí.  (2) GV nhận xét về thái độ và kết quả hoàn thành nhiệm vụ học tập ở nhà của HS; góp ý cho câu trả lời của HS, nhận xét về cách HS thực hiện kĩ năng, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện để thực hiện thành thạo các kĩ năng trong quá trình đọc; giải đáp thắc mắc của HS về cách thực hiện kĩ năng (nếu có). | **1. Đọc**  - HS đọc phù hợp với tốc độ đọc.  - Câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/**  **kĩ năng đọc.** | **Câu trả lời**  **của tôi** | | Xác định những từ ngữ được dùng để miêu tả khung cảnh Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán. | - Báo ân: nghĩa nặng tình non, Lâm Tri người cũ, đền trả nghĩa xưa…  - Báo oán: quỷ quái tinh ma, kẻ cắp bà già, thù này trả nợ ấy… | | Tóm tắt nội dung cuộc đối thoại giữa Từ Hải và Thúy Kiều (từ dòng 2139 đến dòng 2324). | Thúy Kiều nói với Từ Hải rằng sẽ xử quyết báo đền ân tình, trả thù với những kẻ giúp đỡ, gây hại nàng. | | Đọc đoạn thơ từ dòng 2327 đến dòng 2332, em hình dung như thế nào về tâm trạng, giọng điệu của Kiều? | - Tâm trạng: phức tạp và đau lòng.  - Giọng điệu của Kiều có thể là sự trầm lặng, nhưng đồng thời cũng chứa đựng một chút sức mạnh và quyết tâm trong việc bảo vệ giá trị và nguyên tắc cá nhân. | | Cách dùng từ “tiểu thư” để xưng hô trong lời thoại thể hiện thái độ gì của người nói đối với người nghe? | Kiều mỉa mai, châm biếm sự giả tạo, nham hiểm của Hoạn Thư. | | Mục đích của đoạn thoại từ dòng 2365 đến dòng 2372 là gì? Chỉ ra những lí lẽ mà nhân vật đã sử dụng trong đoạn thoại. | - Đoạn thoại từ dòng 2365 đến dòng 2372 là lời tự bào chữa của Hoạn Thư.  - Hoạn Thư khôn khéo đưa Kiều từ vị thế đối lập trở thành người đồng cảnh, cùng chung chút phận đàn bà. Nếu Hoạn Thư có tội thì cũng là do tâm lí chung của giới nữ: Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.  => Từ tội nhân, Hoạn Thư đã lập luận để mình trở thành nạn nhân của chế độ đa thê. |   **2. Tìm hiểu chung**  a. Tác giả  - Nguyễn Du (1765 – 1820) quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.  - Cuộc đời Nguyễn Du gắn với một thời đại lịch sử đầy biến động nên trải nhiều thăng trầm. Ông không chỉ có vốn tri thức uyên bác, vốn sống phong phú, am hiểu sâu sắc về con người mà còn có trái tim mang nặng nỗi thương đời.  - Nguyễn Du để lại một sự nghiệp văn chương quý giá, gồm có: ba tập thơ chữ Hán (Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục) và một số tác phẩm chữ Nôm (Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu, Thác lời trai phường nón, Văn tế thập loại chúng sinh, Truyện Kiều).  - Nguyễn Du được suy tôn là đại thi hào của dân tộc. Năm 2013, ông được UNESCO ra nghị quyết vinh danh và kỉ niệm 250 năm ngày sinh của ông.  **b. Tác phẩm Truyện Kiều**  - Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du và của nền văn học dân tộc. Nguyễn Du đã sử dụng cốt truyện từ tiểu thuyết Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) để sáng tạo nên một tác phẩm mới.  - Ông đã sáng tác Truyện Kiều bằng ngôn ngữ, thể loại văn học của dân tộc; với cảm hứng trước “những điều trông thấy” và ngòi bút của một thiên tài.  - Truyện Kiều có giá trị nhân đạo lớn lao và giá trị hiện thực sâu sắc.  **c. Đoạn trích Thúy Kiều báo ân, báo oán**  - Được trích từ dòng thơ 2315 đến dòng thơ 2396 trong Truyện Kiều thuộc giai đoạn tai biến (lưu lạc) của cốt truyện. Nhâm 259 |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.1. Tìm hiểu đặc điểm của truyện thơ Nôm**

***a. Mục tiêu:***

***-*** Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.

***-*** Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK; thái độ lắng nghe và phản hồi của HS trong hoạt động nhóm.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 4 - 6 HS thực hiện những nhiệm vụ sau:  (1) Đọc lại mục *Truyện thơ Nôm* trong SGK, cho biết cốt truyện *Truyện Kiều* mang đặc điểm mô hình nào của truyện thơ Nôm, các sự kiện của phần VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán* thuộc giai đoạn nào của cốt truyện. Sau đó, trả lời **câu 1** bằng cách điền thông tin vào **PHT số 3**  **(2)** Nhận xét về khung cảnh nơi Thúy Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán. Việc khắc họa khung cảnh đó có ý nghĩa gì đối với cuộc đời nàng Kiều?  (3)Tìm một số chi tiết miêu tả hành động, ngôn ngữ của Thúy Kiểu được thể hiện trong văn bản. Những chi tiết ấy cho thấy Thuý Kiều là người như thế nào?  (4)Em có suy nghĩ gì về việc Thuý Kiều tha bổng Hoạn Thư? Sự việc ấy thể hiện nét tính cách gì của nhân vật Thúy Kiều?  🡪 Hs thảo luận nhóm đôi theo **PHT số 4** để trả lời hai câu hỏi này  (5)Hành động, lời nói của Hoạn Thư thể hiện điều gì về tính cách nhân vật này? Nhân vật Hoạn Thư, có vai trò gì trong việc thể hiện chân dung nhân vật Thúy Kiều? Hs thảo luận **PHT số 5**  **(6)** Theo em, nhân vật Từ Hải có vai trò gì trong việc thể hiện chân dung nhân vật Thúy Kiều? Hs thảo luận theo **PHT số 6**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, trình bày tóm tắt câu trả lời trên giấy A1/ bảng nhóm.  *Lưu ý*: GV tổ chức cho HS thực hiện và nghe GV nhận xét, kết luận xong nhiệm vụ (1) và (2); rồi mới đến thực hiện nhiệm vụ (3), (4), (5).  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác trao đổi, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **a. Các sự kiện chính được kể trong văn bản, các nhân vật gắn liền với sự kiện và bố cục, nội dung bao quát của văn bản**  **\* Các sự kiện chính được kể trong văn bản và các nhân vật gắn liền với sự kiện:** PHT số 3  **\* Bố cục của VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán*:**  - 10 dòng thơ đầu (*Trướng hùm mở giữa trung quân … Từ rằng “Việc ấy để cho mặc nàng”*): Từ Hải mở “trướng hùm” và trao quyền báo ân, báo oán cho Kiều.  - 14 dòng thơ tiếp theo (*Cho gươm mời đến Thúc lang … Mồ hôi chàng đã như mưa ướt dầm*): Thuý Kiều báo ân.  - 34 dòng thơ tiếp theo (*Dưới cờ gươm tuốt nắp ra … Thề sao thì lại cứ sao gia hình*): Thuý Kiều báo oán.  - Phần còn lại: Lời bình của người kể chuyện.  **\* Nội dung bao quát của VB:**  - VB kể về việc Kiều dưới sự trợ giúp của Từ Hải đã thực hiện việc báo ân người đã giúp đỡ nàng, đồng thời trừng trị, răn đe những kẻ bất nhân, tàn ác.  - Vị trí các sự kiện được kể của phần VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán* trong cốt truyện *Truyện Kiều*: *Truyện Kiều* mang đặc điểm mô hình *gặp gỡ (hội ngộ) - tai biến (lưu lạc) - đoàn tụ (đoàn viên)* của truyện thơ Nôm; các sự kiện của phần VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán* nằm ở giai đoạn *tai biến* *(lưu lạc)* của cốt truyện.  **b. Khung cảnh nơi Thúy Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán.**  **-** Những từ ngữ được dùng để miêu tả khung cảnh trong VB: *trướng hùm, giữa trung quân, Từ Công sánh với phu nhân cùng ngồi, tiên nghiêm, cửa viên,…*  🡪 Khung cảnh nơi Thuý Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán: uy nghiêm, trang trọng, thiêng liêng,...  - Ý nghĩa: trong quãng đời lưu lạc, chìm nổi đầy những bất hạnh, đau khổ của Kiều, có thể nói đây là khung cảnh nàng có được vị trí trang trọng, cao quý “*Từ Công sánh với phu nhân cùng ngồi”*, xung quanh nàng có đầy đủ hình ảnh, âm thanh tạo nên uy quyền (*trướng hùm, trung quân, tiên nghiêm, cửa viên*) để Kiều thực thi việc báo ân, báo oán một cách phân minh, rạch ròi. Vì thế, việc khắc hoạ khung cảnh này có ý nghĩa rất quan trọng đối với Kiều vì đó là khoảnh khắc công lí được thực thi, giây phút nàng được từ thân phận *“con ong, cái kiến”* bước lên vị trí của một quan toà thực hiện quyền phán xét,…  **c. Tìm hiểu nhân vật Thuý Kiều:**  **\* Lời nói, hành động, tính cách: PHT số 4**  **\* Chi tiết Thúy Kiều tha bổng cho Hoạn Thư**  - Việc Kiều tha bổng Hoạn Thư không hẳn là do Hoạn Thư *“khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời”* mà là do tấm lòng khoan dung, độ lượng của Thuý Kiều; vì vậy, càng giúp người đọc hiểu rõ hơn về tấm lòng nhân hậu, vị tha của nàng Kiều.  - Việc Kiều tha bổng Hoạn Thư cho thấy Kiều là người rất thấu hiểu lẽ đời, dễ cảm thông cho hoàn cảnh của kẻ khác. Trước những lời “kêu ca” và việc Hoạn Thư nhận tất cả tội lỗi về phía mình, Kiều đã thực hiện đúng lẽ sống mà cha ông thường dạy “Đánh kẻ chạy đi, chứ không ai đánh người chạy lại”.  - Việc Kiều tha bổng Hoạn Thư thể hiện sự phát triển hợp lí trong diễn biến tâm lí nhân vật và phù hợp với tính cách của nàng – cô gái vị tha, nhân hậu  - ….  **d. Tìm hiểu về nhân vật Hoạn Thư:** PHT số 5  **e. Tìm hiểu về vai trò của Từ Hải trong cuộc báo ân, báo oán của Thúy Kiều:** PHT số 6 |
| **PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Các sự kiện chính được kể trong văn bản** | **Các nhân vật xuất hiện gắn liền với sự kiện** | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   **Gợi ý PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Các sự kiện chính được kể trong văn bản** | **Các nhân vật xuất hiện gắn liền với sự kiện** | | Từ Hải mở “trướng hùm” và trao quyền báo ân, báo oán cho Kiều | Từ Hải, Thuý Kiều | | Kiều báo ân Thúc Sinh và một số người khác (phần này đã bị lược bớt: từ câu 2339 đến câu 2354) | Thuý Kiều, Thúc Sinh; phần bị lược bớt có sự xuất hiện của *mụ già* (bà quản gia nhà họ Hoạn) và *Sư trưởng* (Giác Duyên) | | Kiều báo oán Hoạn Thư và những kẻ khác | Thuý Kiều, Hoạn Thư, Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ưng, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh |   **PHT số 4**   |  |  | | --- | --- | | **Các sự kiện chính** | **Chi tiết miêu tả hành động, ngôn ngữ của Thuý Kiều** | | Từ Hải mở “trướng hùm” và trao toàn quyền báo ân, báo oán cho Kiều |  | | Kiều báo ân |  | | Kiều báo oán |  | | Nhận xét về con người Thúy Kiều: | |   **Gợi ý PHT số 4**   |  |  | | --- | --- | | **Các sự kiện chính** | **Chi tiết miêu tả hành động, ngôn ngữ của Thuý Kiều** | | Từ Hải mở *“trướng hùm”* và trao toàn quyền báo ân, báo oán cho Kiều | Kiều nhờ cậy uy nghiêm của Từ Hải để thực hiện việc báo ân và báo oán | | Kiều báo ân | - Qua lời nói, Kiều bày tỏ lòng biết ơn, sự trân trọng của mình với những ân tình của Thúc Sinh:  + Kiều nhớ ơn Thúc Sinh đã cứu nàng thoát khỏi lầu xanh và cũng đã từng có những tháng ngày êm ấm, xem đó là “nghĩa trọng tình non”. Khi gọi Thúc Sinh là “chàng”, là “cố nhân” (thể hiện sắc thái trang trọng) và tự nhận mình là “người cũ” (sắc thái thân mật, gần gũi), Kiều đã khéo léo, kín đáo nhắc lại tình nghĩa mặn nồng một thuở giữa hai người  + Trong ngôn ngữ trò chuyện với Thúc Sinh, Kiều đã dùng nhiều từ Hán Việt (*nghĩa, tòng, cố nhân, tạ,…*) và điển cố (*Sâm Thương*) để bày tỏ thái độ trân trọng dành cho “cố nhân”. Những ân tình ấy dù cho “gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân” cũng không dễ gì đền đáp  - Khi nói với Thúc Sinh, Kiều đã nhắc đến Hoạn Thư với những từ ngữ nôm na, dân dã, quen thuộc như thành ngữ *kẻ cắp bà già gặp nhau*, *kiến bò miệng chén*, *vợ chàng*, *quỷ quái*, *tinh ma*, *mưu sâu*, *nghĩa sâu*,… Kiều đã vạch rõ với Thúc Sinh: vợ cả của chàng là một người nham hiểm, độc ác; là kẻ gây nên tình cảnh chia lìa giữa nàng với Thúc Sinh và khẳng định Thúc Sinh không có lỗi trong việc này. Điều này cho thấy Kiều rất hiểu Thúc Sinh. Có lẽ vết thương lòng mà Hoạn Thư gây ra cho Kiều không dễ nguôi ngoai nên trong lời nói, Kiều đã báo trước với Thúc Sinh về dự định trả thù Hoạn Thư | | Kiều báo oán | \* Kiều báo oán Hoạn Thư:  - Đầu tiên, Kiều vẫn “chào thưa” và sử dụng cách xưng hô như lúc còn làm hoa nô cho nhà họ Hoạn: gọi Hoạn Thư là “tiểu thư”. Tiếp theo, Kiều dường như dằn giọng từng tiếng một khi sử dụng lặp đi lặp lại, nhấn mạnh một số từ ngữ như *dễ có, dễ dàng, mấy tay, mấy mặt, mấy gan, đời xưa, đời này, càng cay nghiệt, càng oan trái,…* Trong hoàn cảnh diễn ra cuộc báo ân, báo oán thì vị trí của Thuý Kiều và Hoạn Thư đã có sự thay bậc đổi ngôi: Kiều giờ đã là phu nhân của Từ Hải, người phán quyết của phiên toà “ân - oán” hôm nay, còn Hoạn Thư giờ đang là kẻ bị luận tội. Vì vậy, cách xưng hô và sử dụng ngôn ngữ như thế cho thấy thái độ mỉa mai, đay nghiến, giễu cợt đối với tiểu thư con quan Lại bộ  - Sau khi nghe Hoạn Thư kêu ca, phân trần, Kiều thừa nhận đây là con người “Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời” và thừa nhận khó xử. Khi thấy Hoạn Thư tỏ vẻ biết lỗi, xin tha, Kiều có răn đe và rộng lượng tha cho Hoạn Thư: “Đã lòng tri quá thì nên/ Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay”  \* Kiều báo oán những kẻ khác:  - Kiều lần lượt liệt kê từng kẻ gian ác như Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ưng, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh. Kiều không liệt kê theo thời gian gặp gỡ chúng trong cuộc đời nàng mà theo logic của sự căm phẫn: kẻ gây oán với nàng từ lúc gần nhất cho đến những thời điểm lâu hơn trong quá khứ. Kiều kể không sót ai, cho thấy nàng thật sự phẫn nộ, căm tức, uất hận  - Ngôn ngữ, giọng điệu của nàng ở lượt đối thoại này ngắn gọn, sắc lạnh, quả quyết: *Nàng rằng: “Lồng lộng trời cao/ Hại nhân, nhân hại, sự nào tại ta!; Các tên tội ác đáng tình còn sao?”* 🡪 Kiều khẳng định hậu quả mà chúng phải gánh chịu hôm nay là kết quả của việc thực thi công lí ở đời  - Kiều dứt khoát, mạnh mẽ, kiên quyết nghiêm trị cái ác: *Lệnh quân truyền xuống nội đao/ Thề sao thì lại cứ sao gia hình* | | 🡪 Những chi tiết ấy cho thấy Kiều người thấu hiểu đạo lí nhân nghĩa ở đời (*báo ân rồi sẽ trả thù*): *trọng ân nghĩa, vị tha, tế nhị, khéo léo* trong mối quan hệ với Thúc Sinh; *bao dung, độ lượng*, có phần *thấu hiểu* với cảnh ngộ của người khác trong mối quan hệ với Hoạn Thư; *mạnh mẽ, quyết liệt* đòi lại công bằng cho bản thân, không khoan nhượng với cái ác trong mối quan hệ với bọn “buôn thịt bán người”,… | |   **PHT số 5: Tìm hiểu về nhân vật Hoạn Thư**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hành động, lời nói của Hoạn Thư** | **Tính cách nhân vật** | **Vai trò của nhân vật Hoạn Thư trong việc thể hiện chân dung nhân vật Thuý Kiều:** | |  |  |  |   **Gợi ý PHT số 5**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hành động, lời nói của Hoạn Thư** | **Tính cách nhân vật** | **Vai trò của nhân vật Hoạn Thư trong việc thể hiện chân dung nhân vật Thuý Kiều:** | | - Hồn lạc, phách xiêu, khấu đầu dưới trướng, kêu ca  - Lời nói: Đưa ra nhiều lí lẽ để “kêu ca”, gỡ tội:  + Dẫn ra quy luật tâm lí thường tình của phụ nữ (*Rằng: “Tôi chút phận đàn bà/ Ghen tuông thì cũng người ta thường tình*) và khẳng định mình cũng là nạn nhân của chế độ đa thê (*Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai*);  + Kể lại những việc làm có lợi cho Kiều ngày trước: *Nghĩ cho khi các viết kinh/ Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo*;  + Thừa nhận sự kính trọng thầm kín dành riêng cho Kiều: *Lòng riêng riêng những kính yêu*;  + Nhận hết tội lỗi về phía mình: *Trót lòng gây việc chông gai;*  *+* Trông cậy, nhờ vả hết vào tấm lòng khoan dung, độ lượng của Kiều: *Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng.* | Hoạn Thư rất *khôn ngoan, giảo hoạt, thấu hiểu tâm lí đối phương*. Lúc đầu, Hoạn Thư tỏ ra sợ hãi nhưng vẫn bình tĩnh “liệu điều kêu ca”; biết dùng quy luật tâm lí thông thường của phụ nữ để đánh vào lòng thương cảm của Kiều; biết rõ Kiều là người trọng nghĩa, khéo léo thoả mãn lòng tự trọng của Kiều; thừa nhận toàn bộ lỗi lầm của bản thân nên đã chuyển hoá được sự thù hận trong lòng Kiều thành sự cảm thông và cuối cùng là được tha bổng. | góp phần thể hiện tấm lòng nhân hậu, bao dung, vị tha của Kiều; cho thấy Kiều là người rất thấu hiểu lẽ đời, có lòng trọng nghĩa,… |   **PHT số 6: Nhân vật Từ Hải trong cuộc báo ân, báo oán của Kiều**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các sự kiện chính** | **Sự hiện diện của nhân vật Từ Hải trong các sự việc** | **Vai trò của nhân vật Từ Hải trong cuộc báo ân, báo oán của nàng Kiều** | | Từ Hải mở *“trướng hùm”* và trao toàn quyền báo ân, báo oán cho Kiều |  |  | | Kiều báo ân |  | | Kiều báo oán |  |   **Gợi ý PHT số 6**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các sự kiện chính** | **Sự hiện diện của nhân vật Từ Hải trong các sự việc** | **Vai trò của nhân vật Từ Hải trong cuộc báo ân, báo oán của nàng Kiều** | | Từ Hải mở “trướng hùm” và trao toàn quyền báo ân, báo oán cho Kiều. | - Từ Hải cho dựng khung cảnh uy nghiêm, trang trọng để Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán: *Trướng hùm mở giữa trung quân, tiên nghiêm,…*  - Từ Hải cho Kiều vị trí cao quý, trang trọng, đầy khí thế: *Từ Công sánh với phu nhân cùng ngồi.*  *-* Từ Hải cho quân bắt về những người có liên quan đến ân oán của nàng: *Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên.*  - Từ Hải tin tưởng Kiều sẽ “báo đền cho minh” và giao toàn quyền báo ân, trả oán cho nàng thực hiện: *Từ rằng: “Việc ấy để cho mặc nàng”.* | Từ Hải đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán; lần đầu tiên đem đến cho Kiều một vị trí cao quý, trang trọng và đặc biệt là có đầy đủ quyền uy để đòi lại công bằng cho bản thân - một người đã chịu quá nhiều đau khổ, áp bức, bất hạnh; niềm tin tưởng tuyệt đối của Từ Hải dành cho Thuý Kiều cho thấy chàng rất hiểu Kiều, sớm nhận ra Kiều là một người rất thông minh, sáng suốt và có thể thực hiện việc “báo ân, trả thù” một cách thật phân minh. | | Kiều báo ân | Uy quyền của Từ Hải đã tạo ra cảnh oai nghiêm của nơi Kiều xử án: *Cho gươm mời đến Thúc lang*. Cảnh tượng ấy đã có phần khiến Thúc Sinh hoảng sợ “*mặt như chàm đổ, mình dường dẽ run”.* | | Kiều báo oán | Uy quyền của Từ Hải tiếp tục thể hiện qua những hình ảnh như lá cờ, thanh gươm, trướng hùm, quân lính: *Dưới cờ gươm tuốt nắp ra; Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca, Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay, lệnh quân, nội đao,…* |   **.** | |

**2.2. Tìm hiểu chủ đề của văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được chủ đề mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 6 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 6 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*Nhóm 4 - 6 HS thảo luận và trả lời câu 6: Xác định chủ đề của văn bản. Căn cứ vào đâu em có thể xác định như vậy.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 nhóm HS trả lời. Các nhóm HS khác lắng nghe, trao đổi.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận | - Chủ đề của VB: Tấm lòng nhân nghĩa, vị tha của Thuý Kiều; khát vọng, ước mơ công lí chính nghĩa theo quan điểm của tác giả và nhân dân thời đại Nguyễn Du (con người bị áp bức, đau khổ sẽ vùng lên thực thi công lí “ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác”).  - Căn cứ xác định chủ đề: Cách sắp xếp các sự kiện chính; cách khắc hoạ khung cảnh báo ân, báo oán; cách khắc hoạ tính cách nhân vật qua hành động, lời đối thoại, cách xây dựng các nhân vật trong tính chỉnh thể của VB. |

**2.3. Tìm hiểu về nghệ thuật kể chuyện bằng thơ lục bát**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được nghệ thuật kể chuyện bằng thơ lục bát trong hai tác phẩm

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 7 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời cho câu hỏi số 7.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*Em có nhận xét gì về nghệ thuật kể chuyện bằng thơ lục bát trong văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (Nguyễn Đình Chiểu) và văn bản Thúy Kiều báo ân, báo oán (Nguyễn Du)?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ  *\* Báo cáo, thảo luận:*1 - 2 HS trình bày. Các HS khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* Gv nhận xét câu trả lời của Hs | \* Nhận xét nghệ thuật kể chuyện bằng thơ lục bát trong hai tác phẩm  - Truyện được kể bằng thơ nên giàu nhạc điệu; các chi tiết, sự kiện, nhân vật được kể lại, khắc hoạ bằng hệ thống các hình ảnh chọn lọc; ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật có tính hàm súc; các yếu tố của thơ như thanh điệu, vần, nhịp góp phần vào việc khắc hoạ chân dung nhân vật, miêu tả diễn biến tâm trạng, bối cảnh, tình huống,… Đặc biệt những đặc điểm của thơ rất phù hợp để miêu tả diễn biến tâm trạng, những thay đổi tâm lí hết sức tinh tế của nhân vật;…..  - Tuy kể chuyện bằng thơ lục bát nhưng vẫn phát huy được vai trò của người kể chuyện ngôi thứ ba bao quát mọi việc, quan sát, miêu tả, trần thuật, bình luận, một cách tự nhiên.  - Những dòng thơ lục bát kết hợp khéo léo giữa kể chuyện với miêu tả, bình luận; giữa lời của người kể chuyện với lời của nhân vật; giữa thuật lại hành động, lời nói với miêu tả tâm lí, thể hiện cảm xúc, thái độ của nhân vật,…  - Đặc biệt, cách xây dựng đối thoại của nhân vật qua câu thơ lục bát rất uyển chuyển, biến hoá.  \* Sự khác biệt giữa câu thơ lục bát kể chuyện trong VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* và *Thuý Kiều báo ân, báo oán: m*ột bên dân dã, mộc mạc bình dị, thiên về kể; một bên trau chuốt, uyển chuyển, kết hợp hài hoà giữa kể với miêu tả, bình luận,… |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản.

- Hệ thống được một số đặc điểm của thể loại truyện thơ Nôm.

- Bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm đọc VB truyện thơ Nôm.

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  - Hs hoàn thành PHT số 2 để khái quát đặc điểm thể loại và rút kinh nghiệm đọc thể loại truyện thơ.  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ,  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**  **\* Nội dung**  - Đoạn trích miêu tả cảnh báo ân báo oán đối với hai nhân vật là Thúc Sinh và Hoạn Thư, qua đó làm nổi bật tấm lòng nhân nghĩa, cao thượng của Thúy Kiều.  - Thể hiện ước mơ công lí, chính nghĩa theo quan điểm của quần chúng nhân dân: con người bị áp bức sẽ đứng lên cầm cán cân công lí.  **\* Nghệ thuật**  - Đoạn trích bộc lộ tài năng của Nguyễn Du về nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại.  - Nghệ thuật kể chuyện bằng thơ lục bát độc đáo  -...  **2. Lưu ý khi đọc một đoạn trích từ truyện thơ Nôm:**   |  |  | | --- | --- | | **Một số đặc điểm của truyện thơ Nôm** | **Lưu ý về cách đọc truyện thơ Nôm** | | - Cốt truyện: theo mô hình: gặp gỡ (hội ngộ) - tai biến (lưu lạc) - đoàn tụ (đoàn viên).  - Nhân vật: thường chia thành hại tuyến: nhân vật chính diện (đại diện cho cái tốt, cái đẹp, tiến bộ) và nhân vật phản diện (đại diện cho cái xấu, cái ác, bảo thủ). Nhân vật chính thường được xây dựng theo khuôn mẫu như: chàng trai tài giỏi, nghĩa khí; cô gái xinh đẹp, nết na,... Đặc điểm, tính cách của nhân vật trong truyện thơ Nôm cũng thường được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), tâm trạng, cảm xúc,...  - Lời thoại: là lời của nhân vật, gồm đối thoại (lời của các nhân vật nói với nhau) và độc thoại (thường là những lời thoại bộc lộ tâm trạng, cảm xúc, còn gọi “độc thoại nội tâm”); lời của nhân vật phần lớn là đối thoại. | - Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học  - Xác định được vị trị của đoạn trích trong truyện thơ, chủ đề của đoạn trích.  - Chỉ ra các sự kiện chính  - Xác định bố cục và nội dung bao quát của văn bản  - Xác định nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật  - Phân tích nhân vật dựa vào lời nói, hành động  - Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích  - Xác định chủ đề và căn cứ để xác định chủ đề.  - Rút ra thông điệp | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Cùng Thúy Kiều báo ân, báo oán”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi Cùng Thúy Kiều báo ân, báo oán  Câu 1: Thúy Kiều báo ân với những ai?  A. Hoạn Thư, Bạc Bà, Thúc Sinh.  B. Thúc Sinh, mụ Quản gia, sư Giác Duyên.  C. Bạc Bà, Bạc Hạnh, Sở Khanh.  D. Thúc Sinh, Hoạn Thư.  Câu 2: Ai là người giúp Thúy Kiều rửa hết những ân oán trong đời nàng?  A. Thúc Sinh.  B. Kim Trọng.  C. Vương Quan.  D. Từ Hải.  Câu 3: Vì sao Thúy Kiều lại báo ân Thúc Sinh?  A. Vì Thúc Sinh đã cứu mạng Thúy Kiều khi nàng gặp nạn trên đường lưu lạc.  B. Vì Thúc Sinh đã từng cứu nàng khỏi trốn thanh lâu ngày trước.  C. Vì Thúc Sinh từng cưới nàng về làm vợ.  D. Vì Thúc Sinh đã cưu mang, cho nàng một mái ấm gia đình.  Câu 4: Thúy Kiều báo oán những đối tượng nào?  A. Những kẻ đã phản bội lại tình yêu của nàng.  B. Những kẻ chế giễu tài đánh đàn của nàng.  C. Những kẻ đã thờ ơ, vô tâm với lời thỉnh cầu của nàng.  D. Những kẻ bất nhân, tàn nhẫn luôn rắp tâm hãm hại nàng, đẩy nàng vào tận cùng của khổ đau, bất hạnh, nhục nhã.  Câu 5: Việc báo ân, báo oán, rạch ròi phân minh tuân theo đạo lý “ơn đền oán trả” thể hiện phẩm chất nào trong con người Thúy Kiều?  A. Tấm lòng vị tha, nhân nghĩa của nàng Kiều cùng ước mơ về lẽ phải, về công lý.  B. Sự yếu đuối, mềm lòng vì quá thương người.  C. Sự sắt đá, lạnh lùng khi trừng trị những kẻ gây ra đau khổ cho nàng.  D. Sự mạnh mẽ, bất khuất dù kẻ thù có xảo quyệt đến đâu nàng cũng có thể khuất phục.  Câu 6: Nguyễn Du mượn cốt truyện nào để sáng tác Truyện Kiều?  A. Đoạn trường tân thanh.  B. Kim Vân Kiều truyện.  C. Hoàng Lê nhất thống chí.  D. Bắc hành tạp lục.  Câu 7: Việc để Thúy Kiều báo oán Hoạn Thư đã thể hiện công lý nào của đời người?  A. Ở hiền gặp hiền, ở ác gặp ác.  B. Nhân quả báo ứng  C. Có công mài sắt có ngày nên kim.  D. Đi đêm có ngày gặp ma.  Câu 8: Đâu không phải giá trị nghệ thuật của đoạn trích Thúy Kiều báo ân, báo oán?  A. Đoạn trích có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố tự sự và miêu tả.  B. Xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại, đặc biệt là hai nhân vật Thúy Kiều và Hoạn Thư.  C. Miêu tả tâm lí nhân vật uyển chuyển, giúp người đọc hiểu thêm về tính cách nhân vật.  D. Sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ tượng trưng.  Câu 9: Chi tiết: “Cho gươm mời đến Thúc lang” thể hiện điều gì?  A. Sự tôn trọng, biết ơn, trân trọng người cũ của Thúy Kiều.  B. Thể hiện quyền uy của một vị “nhất phẩm phu nhân”.  C. Thể hiện sự răn đen, đe dọa đến Thúc Sinh.  D. Thê hiện sự giàu có.  Câu 10: Đoạn trích Thúy Kiều báo ân báo oán thể hiện rõ nhất khát vọng nào của Nguyễn Du?  A. Tình yêu tự do.  B. Quyền sống, quyền được làm chủ cuộc đời.  C. Khát vọng công lí.  D. Khát vọng xã hội văn minh  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn.

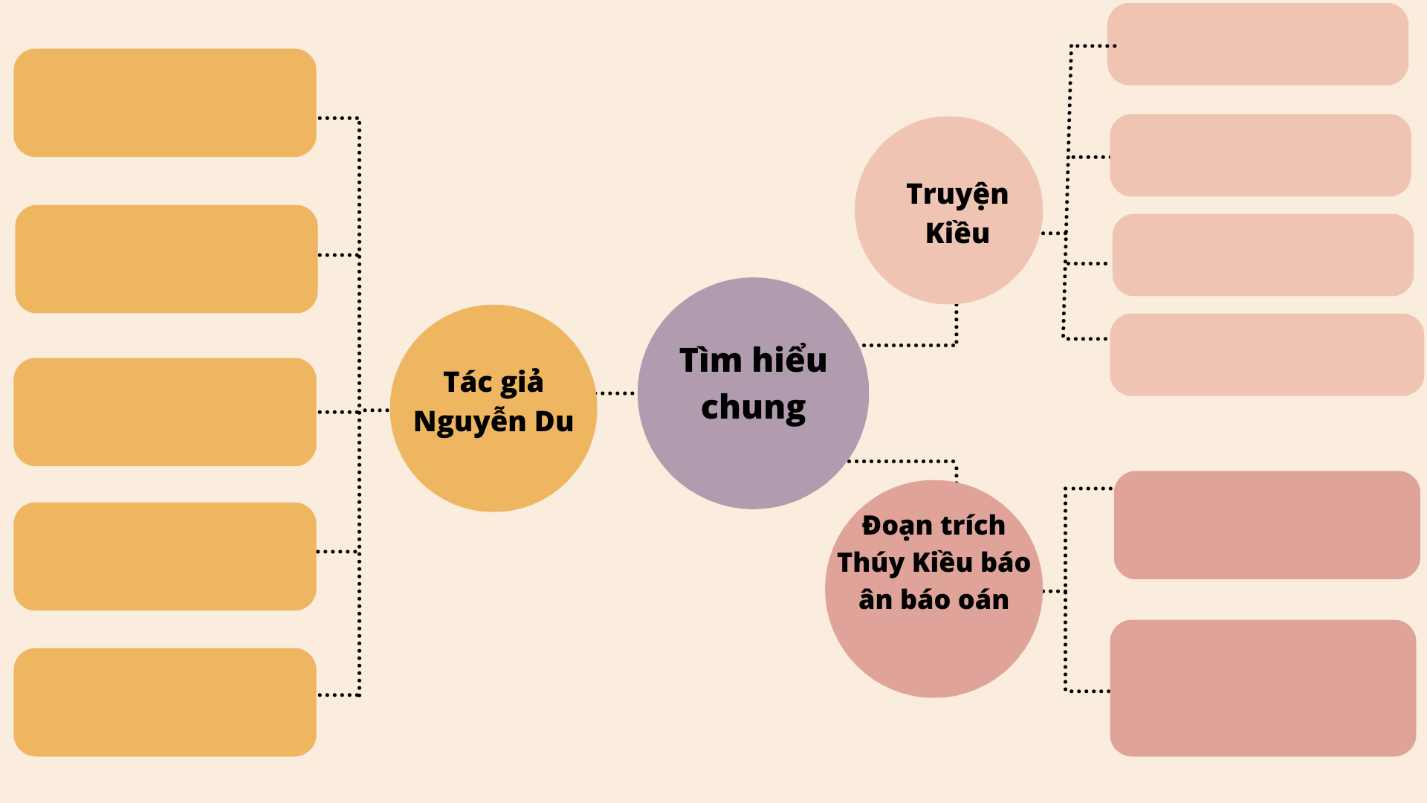
***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS (câu 8 trong SGK).

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*[Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về cách Thúy Kiều báo ân, báo oán trong văn bản trên so với cách một nhân vật trong truyện cổ dân gian (mà em biết) ứng xử với những ân oán của họ.](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/doan-van-trinh-bay-suy-nghi-cua-em-ve-cach-thuy-kieu-bao-an.jsp)  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ  *\* Báo cáo, thảo luận:*1 - 2 HS trình bày đoạn văn. Các HS khác nhận xét dựa trên bảng kiểm.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét đoạn văn của HS theo bảng kiểm đã công bố. |  |
| **Bảng kiểm**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **Nội dung** | Trình bày được ít nhất hai ý kiến của em về cách Thuý Kiều báo ân, báo oán trong VB trên so với cách một nhân vật trong truyện cổ dân gian ứng xử với những ân oán của họ. |  |  | | Giới thiệu rõ nhân vật trong truyện cổ dân gian (mà em biết). |  |  | | **Hình thức** | Trình bày bằng hình thức đoạn văn có độ dài khoảng 200 chữ. |  |  | | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. |  |  | | Chữ viết rõ ràng. |  |  |   . | |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT số 2**

****

**Tiết theo PPCT: 60**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**NHÂN VẬT LÍ TƯỞNG TRONG KẾT THÚC CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KÌ**

**(Bùi Mạnh Nhị, Nguyễn Tấn Phát)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được một số thông tin chính của VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*; *Thúy Kiều báo ân, báo oán* để hiểu hơn về chủ điểm *Khát vọng công lí.*

**2. Phẩm chất**

- Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu ngữ liệu, tranh ảnh.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs.

***b. Nội dung:*** Hs xem video hoặc ngữ liệu.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Gv tổ chức trò chơi “Nhìn hình đoán tên nhân vật”. Em hãy chỉ ra điểm chung của những nhân vật này  Tả cô tấm trong truyện tấm cám lớp 5, tả cô tấm bước ra từ quả thị | VFO.VN Truyện SỌ DỪA -  Truyện cổ tích Thạch Sanh Truyện cổ tích Cây tre trăm đốt: Lời kể và ý nghĩa câu chuyện  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* Những nhân vật trên được coi là nhân vật lí tưởng trong nhóm truyện cổ tích thần kì. Tiết đọc kết nối chủ điểm hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn về kiểu nhân vật này. | Gợi ý:  - Tấm (Tấm Cám)  - Sọ Dừa (Sọ Dừa)  - Thạch Sanh (Thạch Sanh).  - Anh Khoai (Cây tre trăm đốt).  🡪 Đều là những nhân vật có số phận bất hạnh, éo le nhưng sống lương thiện, hiền lành. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Gv gọi 2 Hs đọc bài.  - Trình bày một vài thông tin về hai tác giả Bùi Mạnh Nhị và Nguyễn Tấn Phát.  - Hs Đọc thông tin phần chú giải trong SGK và cho biết những đặc điểm cơ bản của truyện cổ tích thần kì.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  2 Hs đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét cách đọc. | **1.1. Đọc văn bản**  - Chú ý tốc độ đọc.  **1.2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Bùi Mạnh Nhị (1955 – 2023): nhà nghiên cứu văn học, nhà giáo, nhà văn, tác giả, đồng tác giả của nhiều công trình nghiên cứu văn học dân gian.  - Nguyễn Tấn Phát (1944): nhà nghiên cứu văn học, nhà giáo, nhà văn, tác giả, đồng tác giả của nhiều công trình nghiên cứu văn học dân gian.  **b. Vài nét về Truyện cổ tích**  - Truyện cổ tích được chia thành ba tiểu loại: cổ tích loài vật, cổ tích thần kì và cổ tích sinh hoạt.  - Truyện cổ tích thần kì là những câu chuyện có yếu tố thần kì tham gia vào quá trình phát triển, giải quyết các xung đột, mâu thuẫn của cốt truyện (sự xuất hiện của Bụt, Tiên, sự biến hình của nhân vật hoặc sự tham gia của những vật chứa phép màu,...).  - Kiểu nhân vật phổ biến là người em út, người mang lốt xấu xí, người mồ côi, dũng sĩ, người có tài lạ,...  - Nội dung của truyện thường phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, ước mơ của nhân dân lao động về công bằng trong xã hội và về sự đổi đời. Tấm Cám, Thạch Sanh, Sọ Dừa,... là những truyện cổ tích thần kì tiêu biểu. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết được một số thông tin chính của VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*; *Thúy Kiều báo ân, báo oán* để hiểu hơn về chủ điểm *Khát vọng công lí.*

- Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:*  - GV yêu cầu HS chia lớp thành 3 nhóm, hoàn thành lần lượt các nhiệm vụ sau:  + Nhóm 1: Theo tác giả bài viết, kết thúc của truyện cổ tích thần kì phản ánh ước mơ gì của quần chúng nhân dân? (Những) ước mơ ấy thường được thể hiện như thế nào qua cách kết thúc của truyện cổ tích thần kì?  + Nhóm 2: Bàn về kiểu nhân vật đội lốt người xấu xí, tác giả bài viết cho rằng: Đạo đức, tài năng của kiểu nhân vật đội lốt người xấu xí là động lực giúp họ khôi phục sự tương ứng hài hoà giữa cái bên trong tốt đẹp với cái bên ngoài. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Chọn ví dụ từ một truyện cổ tích thần kì đã học để làm rõ quan điểm của em.  + Nhóm 3: Cách thể hiện khát vọng công lí trong văn bản “Thuý Kiều báo ân, báo oán” có gì tương đồng và khác biệt so với cách thể hiện khát vọng này trong truyện cổ tích thần kì?  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định.* | **1. Kết thúc của truyện cổ tích thần kì**  - Theo tác giả bài viết, kết thúc của truyện cổ tích thần kì phản ánh ước mơ của quần chúng nhân dân về một xã hội công bằng, ở đó những nhân vật lí tưởng sẽ được đổi đời, có một cuộc sống hạnh phúc, nhận được sự đền đáp xứng đáng cho những nỗ lực cố gắng của họ, những kẻ thủ ác sẽ phải nhận sự trừng trị đích đáng, cái thiện sẽ luôn luôn chiến thắng cái ác.  - Những ước mơ ấy thường được thể hiện bằng những cách kết thúc sau của truyện cổ tích thần kì: nhân vật lí tưởng kết hôn, lên ngôi, sống hạnh phúc, cảnh vật/ cuộc sống xung quanh cũng thay đổi tươi sáng hơn, thay đổi từ hình dạng xấu xí thành hình dạng xinh đẹp, những kẻ nham hiểm/ tham lam/ tàn bạo sẽ không thể thoát chết,....  **2. Kiểu nhân vật đội lốt người xấu xí**  - Nội dung ý kiến của tác giả bài viết khi bàn về kiểu nhân vật đội lốt người xấu xí: Đạo đức, tài năng của kiểu nhân vật đội lốt người xấu xí là động lực giúp họ khôi phục sự tương ứng hài hoà giữa cái bên trong tốt đẹp với cái bên ngoài.  - Có thể theo tác giả bài viết, trong truyện cổ tích thần kì, nhân vật đội lốt xấu xí đã vượt qua những thử thách bằng chính đạo đức và tài năng của mình để khôi phục sự tương ứng hài hoà giữa cái bên trong và bên ngoài đẹp đẽ. Chiến thắng của nhân vật đội lốt xấu xí trong các tình huống thử thách được tạo nên bởi đạo đức và tài năng vốn có của họ. Đạo đức và tài năng cũng chính là điều kiện để họ nhận được sự giúp đỡ thần kì của các lực lượng phù trợ nếu có.  - Ví dụ: Người Việt đã xây dựng nhân vật cô gái cóc ở truyện Người lấy cóc, chàng trai dê trong truyện Lấy chồng dê và cô gái ếch trong truyện Người lấy ếch. Những nhân vật này vượt qua mọi thử thách và lấy được người vợ, người chồng đẹp cả về hình thức và tâm hồn, vợ chồng sống hạnh phúc bằng chính sức lao động và tài năng của mình. Từ đó nhân vật xấu xí trút bỏ vĩnh viễn cái lốt dị dạng phải mang trên mình từ trước tới nay để trở thành những người có nhan sắc tuyệt đẹp và một tương lai tươi sáng.  **3. Cách thể hiện khát vọng công lí trong văn bản “Thuý Kiều báo ân, báo oán”**  Cách thể hiện khát vọng khát vọng công lí trong VB Thuý Kiều báo ân, báo oán với cách thể hiện khát vọng này trong truyện cổ tích thần kì:  - Có nhiều điểm tương đồng vì trong VB Thuý Kiều báo ân, báo oán, Thuý Kiều đã thực hiện đúng theo quan điểm của quần chúng nhân dân về công lí chính nghĩa như: ân đền, oán trả, ở hiền gặp lành, ác giả ác báo. Những kẻ thủ ác cuối cùng cũng bị trừng phạt, những người sống lương thiện, làm việc tốt sẽ được ban thưởng, trả ơn. Nhân vật chính trong câu chuyện báo ân, báo oán ấy sau chuỗi ngày đau khổ, bất hạnh cũng đã có khoảnh khắc bước lên vị trí cao nhất với tất cả sự cao quý, trang trọng.  - Sự khác biệt, hầu như không có, nếu có chăng thì có thể đó là cách thức thực hiện khát vọng. Trong truyện cổ tích thần kì, khát vọng công lí được thể hiện qua việc thưởng phạt dành cho các nhân vật, nhân vật lí tưởng thường nhận được phần thưởng lớn nhất, còn những kẻ gây ra tội ác thì chắc chắn sẽ bị trừng phạt tương xứng. Tuy nhiên, có một số truyện, quyền trừng phạt hay ban thưởng lại không phải do nhân vật chính thực hiện mà đến từ các lực lượng thần kì phù trợ. Còn trong VB Thuý Kiều báo ân, báo oán, nhân vật chính là Thuý Kiều đã nhận thức rất rõ về những khổ đau, áp bức, bất hạnh mà mình phải chịu đựng nên chính nàng khi được trao quyền đã thực thi công lí chính nghĩa. |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung** | **Nghệ thuật** | |  |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ,  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét. | **III. Tổng kết**  1. Nội dung: Văn bản đã nêu những đặc điểm nổi bật của những nhân vật lí tưởng trong kết thúc của truyện của tích thần kì Qua đó phản ánh ước mơ về một xã hội công bằng, cái thiện luôn chiến thắng cái ác.  2. Nghệ thuật.  - Lập luận sắc bén, dẫn chứng, lí lẽ cụ thể, logic, giàu sức thuyết phục. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập: Gv tổ chức trò chơi “Thế giới cổ tích” (mỗi câu hỏi gắn với một nhân vật cổ tích: Cô Tấm; Cám; Thạch Sanh; Lí Thông; Anh Khoai; Sọ Dừa; Nhà vua; Ông Bụt; Chằn Tinh; Đại bàng; Cá bống; Phú ông*  Câu 1: Bản chất của những nhân vật mang lốt xấu xí là gì?  A. Ban đầu không có sự tương ứng giữa bản chất bên trong tốt đẹp và hình dáng bên ngoài xấu xí.  B. Có sự tương thích giữa bản chất bên trong tốt đẹp và hình dáng bên ngoài xấu xí.  C. Bản chất bên trong cũng như hình dáng bên ngoài đều xấu xí, nham hiểm.  D. Bản chất tốt đẹp song lốt xấu xí chỉ là sự hóa thân để che đi vẻ đẹp bên trong.  Câu 2: Điều gì đã quý định cái kết thúc có hậu tươi sáng của cốt truyện cổ tích thần kì?  A. Đặc điểm của nhân vật lí tưởng.  B. Ước mơ công lí của nhân dân.  C. Đặc điểm của nhân vật lí tưởng và ước mơ công lí của nhân dân.  D. Bối cảnh thời đại và ước mơ công lí của nhân dân.  Câu 3: Vì sao nhân vật lí tưởng luôn nhận được phần thưởng lớn khi truyện kết thúc?  A. Để xứng đáng với đạo đức, tài năng và những khó khăn mà nhân vật đã trải qua.  B. Vì đó là mô-típ được quy định trong truyện cổ tích thần kì.  C. Để phù hợp với mạch truyện của truyện cổ tích thần kì.  D. Để phù hợp với tâm lí của nhân vật.  Câu 4: Vì sao nhân vật lí tưởng kết hôn, lên ngôi thì vẫn bị thử thách ở hoàn cảnh, địa vị mới?  A. Vì dù là ông vua, là hoàng hậu thì vẫn thuộc về nhân dân.  B. Để câu chuyện thêm hấp dẫn, lôi cuốn.  C. Vì đó là mô-típ của truyện cổ tích thần kì.  D. Vì để mạch truyện được liền mạch.  Câu 5: Điều gì khiến nhân vật lí tưởng khôi phục lại sự tương ứng giữa ngoại hình và bản chất?  A. Điều kiện xã hội.  B. Sự đồng cảm, thương xót của nhân dân.  C. Bản lĩnh, ý chí.  D. Đạo đức, tài năng.  Câu 6: Ở phần kết thúc tác phẩm, nhân vật lí tưởng nhận được điều gì?  A. Vàng bạc, châu báu.  B. Thăng quan tiến chức.  C. Hóa thành tiên trên trời.  D. Những phần thưởng lớn nhất.  Câu 7: Truyện cổ tích thần kì thường kết thúc bằng mô-típ nào?  A. Cảnh vật tươi sáng, con người đều được sống hạnh phúc viên mãn.  B. Nhân vật được đoàn tụ, được sống hạn phúc bên người mình yêu.  C. Nhân vật được đổi đời, trở nên giàu có.  D. Nhân vật kết hôn, lên ngôi, sống hạnh phúc và cảnh vật xung quanh cũng thay đổi, tươi sáng.  Câu 8: Kết thúc của truyện cổ tích thần kì có ý nghĩa gì?  A. Là những điều nhân dân mơ ước được hướng tới, là những điều người lao động không bao giờ có trong xã hội cũ.  B. Là những điều mà thực tế cuộc sống con người đang được hưởng.  C. Phù hợp với mạch truyện, với sự phát triển tình tiết câu chuyện.  D. Thể hiện tấm lòng nhân đạo, tương thân tương ái dành cho nhân vật.  Câu 9: Phần thưởng cuối cùng có ý nghĩa như thế nào với nhân vật lí tưởng?  A. Tạo nên sức sống cho nhân vật trong lòng độc giả.  B. Phản ánh sự bế tác về nhận thức và lí tưởng thực tại.  C. Nhân vật lí tưởng trở nên hoàn hảo, ước mơ công lí dân gian cũng được hoàn thiện hơn.  D. Để nhân vật từ bỏ chỗ đứng của giai cấp mình, bước vào vị trí của giai cấp khác.  Câu 10: Kết thúc của nhân vật mang lốt xấu xí trong truyện cổ tích thần kì là gì?  A. Được kết hôn với một người xinh đẹp hoặc khôi ngô.  B. Được thay hình đổi dạng, để thành cô gái đẹp tuyệt vời, chàng trai khôi ngô tuấn tú.  C. Được thăng quan tiến chức, sống một đời vinh hoa phú quý.  D. Được ban cho phép thần thông.  Câu 11: Những chi tiết như cơm ăn mãi không hết (Thạch Sanh), mâm thần chỉ cần gõ là sơn hào hải vị hiện ra (Chàng đốn củi và con tinh) hay cái nồi thần cứ gõ vào là gạo đầy nồi (Người câu cá trong ao trời)… thể hiện điều gì?  A. Nói lên nền văn minh lúa nước có từ lâu đời.  B. Nói lên ước mơ, khát khao về cuộc sống no đủ của cư dân nông nghiệp lúa nước.  C. Nói lên sự thiếu thốn về lương thực.  D. Nói lên sự phát triển của nền nông nghiệp.  Câu 12: Đâu không phải vai trò của những yếu tố thần kì trong truyện cổ tích thần kì?  A. Giải quyết những xung đột, mâu thuẫn của tác phẩm.  B. Tạo dựng những chi tiết sáng tạo, đặc sắc và mới lạ.  C. Tạo nên sức hút rất riêng của truyện cổ tích, vẽ nên một thế giới mơ mộng  D. Thể hiện được một cách sâu sắc nội tâm và tính cách của các nhân vật.  Câu 13: Sự chiến thắng và hạnh phúc của nhân vật hiền lành, lương thiện trong truyện cổ tích thần kì gần như chỉ là biểu hiện của niềm tin vào triết lí nào?  A. Ác giả ác báo.  B. Ở hiền gặp lành.  C. Đi đêm có ngày gặp ma.  D. Nhân quả báo ứng.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức: | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn.

***c. Sản phẩm:*** Bức tranh của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy viết một đoạn văn bày tỏ quan điểm của em về vấn đề: Ý nghĩa của triết lí “ở hiền gặp lành” trong cuộc sống hiện nay.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs . | Hs thực hành viết đoạn văn |

**IV. PHỤ LỤC**

**Tiết 63**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**TIẾNG ĐÀN GIẢI OAN**

**(Truyện thơ Nôm khuyết danh)**

**I. MỤC TIÊU**

**Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

NL giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Phẩm chất**

- Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi/ tham gia trò chơi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  - Cách 1: Dân gian có câu: *"Bây giờ của ít người đông/ Thạch Sanh thì ít, Lí Thông thì nhiều"*. Em hãy cho biết, những người như thế nào được gọi là Lí Thông? Thái độ của em với những hạng người đó như thế nào?  - Cách 2: Gv tổ chức trò chơi “Vượt chướng ngại vật.” Chướng ngại vật là một từ khóa có 4 chữ, liên quan đến nội dung bài học. Có 3 dữ kiện gợi mở. Trả lời đúng ở dữ kiện 10 điểm. Dữ kiện 2 được 9 điểm, dữ kiện 3 được 8 điểm. Chưa lật mở hết dữ kiện mà trả lời được từ khóa được cộng 2 điểm.  + Đây là một đạo lý của dân tộc  + Xuất hiện nhiều trong truyện cổ tích  + Khuyến khích sống nhân hậu, giúp đỡ người khác và tin rằng điều tốt đẹp sẽ đến với mình  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung kiến thức: Từ đâu mà có mặc định về hạng người “Lý Thông” như vậy, chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản “Tiếng đàn giải oan để hiểu rõ hơn”. | - Gợi ý: Người được gọi là Lý Thông là những người giả tạo, giả dối, gian xảo, độc ác, luôn nghĩ cách lừa lọc người khác, sống vụ lợi cá nhân, cướp công của người khác.  Cách 2: Từ khóa “Ở hiền gặp lành”. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs đọc VB  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Gv gọi 2 Hs đọc, các Hs khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* Nhận xét về kĩ năng đọc. | - Đọc với giọng đọc nhẹ nhàng, sâu lắng.  - HS đọc phù hợp với tốc độ đọc. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận các câu hỏi:  Câu 1: Tìm đọc truyện thơ Thạch Sanh và tóm tắt cốt truyện. Cốt truyện ấy đã thể hiện đặc điểm chung nào của cốt truyện truyện thơ Nôm?  Câu 2: Tóm tắt các sự kiện được kể, liệt kê các nhân vật và xác định nhân vật chính trong văn bản Tiếng đàn giải oan. Nhân vật chính là người như thế nào? Từ đó, nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện thơ.  Câu 3: Cây đàn của Thạch Sanh có đặc điểm gì? Đó có phải là một nhân vật hay không? Vì sao?  Câu 4: Đọc lại những câu thơ về chi tiết tiếng đàn và cho biết:  a. Tiếng đàn đã nói giúp Thạch Sanh những điều gì? Tiếng đàn ấy đã tác động như thế nào đến các nhân vật khác trong văn bản Tiếng đàn giải oan?  b. So với truyện cổ tích Thạch Sanh, việc miêu tả, kể chuyện về cây đàn Thạch Sanh trong văn bản trên có gì tương đồng và khác biệt?  Câu 5: Xác định chủ đề của văn bản và chỉ ra một số căn cứ giúp em xác định được chủ đề.  Câu 6: Nêu nội dung bao quát của văn bản Tiếng đàn giải oan. Thông qua văn bản này, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **Câu 1:**  - -Tóm tắt: Giới thiệu gia đình họ Thạch – Thạch ông ra đi và Thạch Sanh chào đời – Thạch bà qua đời – Thanh Sanh gặp Lý Tĩnh – Thạch Sanh gặp Lý Thông – Lý Thông cùng mẹ lập mưu – Lý Thông lừa Thạch Sanh – Thạch Sanh chém xà tinh – Lý Thông cướp công Thạch Sanh – Công chúa Quỳnh Nga kén chồng – Đại bàng cắp công chúa Quỳnh Nga – Lý Thông gặp lại Thạch Sanh – Thạch Sanh giao chiến xà tinh – Thạch Sanh cứu con vua Thủy Tề – Thạch Sanh xuống thủy cung yết kiến vua Thủy Tề – Thạch Sanh đánh hồ yêu – Thạch Sah được vua Thủy Tề tặng đàn – Công chúa Quỳnh Nga bị câm – Trăn tinh và xà tinh lập mưu hãm hại Thạch Sanh – Thạch Sanh bị Lý Thông giam vào ngục – Tiếng đàn giải oan – Thạch Sanh được sắc phong làm Quận công và kết duyên cùng công chúa – Mẹ con Lý Thông bị trừng phạt.  - Cốt truyện của truyện thơ *Thạch Sanh* khác với *Truyện Kiều*, *Truyện Lục Vân Tiên* vốn theo mô hình (gặp gỡ - tai biến - đoàn tụ) vì ở truyện thơ *Thạch Sanh* cốt truyện đại diện cho mô hình nhân - quả (ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ).  **Câu 2:** Các sự việc gồm:  - Thạch Sanh bị nhốt vào ngục, hỏi thăm mới biết Lý Thông là người hại mình nhưng cũng không oán hờn, phàn nàn.  - Thạch Sanh gảy đàn, tiếng đàn đã nói hộ những oan tình của chàng, trách người bạc ác, phũ phàng.  - Công chúa nghe tiếng đàn thì hết câm, kể lại cho vua cha mọi việc và xin vua cha cho gặp người gảy đàn.  Nhân vật chính trong VB *Tiếng đàn giải oan* là Thạch Sanh. Chàng là người rất hiền lành, tốt bụng. Biết Lý Thông hại mình nhưng cũng không oán thán, kêu ca. Nhưng tác giả đã khéo mượn tiếng đàn để nói hộ Thạch Sanh những oan khuất của chàng. Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thạch Sanh trongVB này được thể hiện qua hành động, tâm trạng.  **Câu 3:** Cây đàn của Thạch Sanh không phải là một cây đàn bình thường. Nó được xây dựng như một nhân vật để nói hộ những oan khuất của Thạch Sanh.  **Câu 4:** Tiếng đàn đã nói giúp nỗi oan tình của Thạch Sanh. Qua đó, tiếng đàn đã tác động đến công chúa Quỳnh Nga, giúp nàng “như cỏ phùng xuân”, đang rầu rĩ, bị câm bỗng nhiên cười cười, nói nói kể lại hết các chuyện đã xảy ra cho vua cha.  - So với truyện cổ tích Thạch Sanh, việc miêu tả, kể chuyện về cây đàn Thạch Sanh trong VB *Tiếng đàn giải oan* có điểm tương đồng và khác biệt.  + Tương đồng ở chỗ cả hai đều kể việc tiếng đàn thần biết nói giúp nỗi oan tình của Thạch Sanh, giúp công chúa hồi tỉnh, hết bị câm.  + Tuy nhiên, do truyện thơ *Thạch Sanh* được kể bằng thơ nên sẽ giàu nhạc điệu, hình ảnh, giúp miêu tả tiếng đàn một cách rõ nét, đậm chất trữ tình hơn.  **Câu 5:**  **-** Chủ đề: Người ở hiền thì sẽ gặp lành. Dù Thạch Sanh không oán hờn, tố cáo Lý Thông nhưng tiếng đàn thần đã giải oan cho chàng.  - Căn cứ xác định chủ đề: Dựa vào các chi tiết trong VB. Ví dụ Thạch Sanh không oán hờn phàn nàn khi biết Lý Thông hại mình nhưng tiếng đàn thần đã nói hộ nỗi oan của chàng, trách kẻ ăn ở bất nhân.  **Câu 6:**  **-** Nội dung bao quát: Thạch Sanh bị Lý Thông lừa giam vào ngục. Dù chàng đã biết Lý Thông hại mình nhưng với bản tính nhân từ, Sanh không oán thán, phàn nàn. Chàng buồn nên mang đàn ra gảy nhưng tiếng đàn thần đã nói hộ những oan tình của Thạch Sanh. Khi nghe tiếng đàn, công chúa vui mừng và hết bị á khẩu. Nàng giãi bày mọi sự cho vua cha và vua cha truyền gọi Thạch Sanh ngay.  -Thông điệp: Người ngay thẳng, thật thà dù trải qua sóng gió nhưng sẽ luôn gặp điều lành. |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân để khái quát nội dung và nghệ thuật của VB

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy khái quát nội dung, nghệ thuật của văn bản.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | **III. Tổng kết**  - Văn bản mượn hình ảnh cây đàn thần, vạch tội kẻ xấu, kẻ bất nhân. Qua đó thể hiện ước mơ và niềm tin của nhân dân ta về đạo đức, công lí xã hội, lí tưởng nhân đạo, lòng yêu chuộng hoà bình, ước mơ và chân lí về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác.  - Sử dụng yếu tố kì ảo, từ ngữ miêu tả sinh động, lôi cuốn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Chiếc đàn thần kì”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Gv tổ chức trò chơi “Chiếc đàn thần kì”  Câu 1: Truyện thơ Nôm Thạch Sanh được triển khai theo mô hình nào?  A. Gặp gỡ - tai biến – đoàn tụ.  B. Gặp gỡ - đoàn tụ - lưu lạc.  **C. Nhân – quả.**  D. Gặp gỡ - tai biến – đoàn tụ và nhân – quả.  Câu 2: Thạch Sanh có những phẩm chất đáng quý nào?  **A. Lương thiện, hiền lành, bao dung, dũng cảm và yêu thương mọi người.**  B. Dũng cảm, chiến đấu mạnh mẽ, kiên cường.  C. Thông minh, đa mưu túc trí.  D. Lương thiện, luôn yêu thương mọi người nhưng có tính đa nghi.  Câu 3: Truyện thơ Nôm Thạch Sanh dựa theo nguyên mẫu của tác phẩm nào?  A. Truyền thuyết Thạch Sanh.  **B. Truyện cổ tích Thạch Sanh.**  C. Tiểu thuyết Thạch Sanh.  D. Truyện truyền kì Thạch Sanh.  Câu 4: Giá trị nội dung rút ra từ văn bản Tiếng đàn giải oan là gì?  A. Ngợi ca phẩm chất anh hùng của Thạch Sanh.  B. Tố cáo tầng lớp thống trị mê muội, hưởng lạc, thể hiện niềm tin của nhân dân vào luật nhân quả báo ứng.  C. Tố cáo xã hội phong kiến biến chất, đẩy con người vào hoàn cảnh éo le, đau khổ.  **D. Tố cáo mạnh mẽ hành động bạc ác như bóc lột, cướp công, hãm hại người khác, đề cao tinh thần lao động, công lý, thể hiện niềm tin tưởng, lạc quan của nhân dân vào lẽ phải ở đời.**  Câu 5: Qua văn bản Tiếng đàn giải oan, ta có thể nhận thấy Lý Thông là một con người như thế nào?  **A. Gian trá, nham hiểm, cạn tàu ráo máng, ích kỷ hại nhân.**  B. Ham sống sợ chết, hèn nhát, luôn chối bỏ trách nhiệm.  C. Bội bạc, bội tín.  D. Yếu đuối, đáng thương, là một kẻ cô độc không nơi nương tựa.  Câu 6: Truyện thơ Nôm Thạch Sanh được viết bằng thể thơ nào?  **A. Lục bát.**  B. Song thất lục bát.  C. Thất ngôn bát cú.  D. Đường luật.  Câu 7: Theo em, Thạch Sanh trong truyện thơ Nôm có sự khác biệt nào là lớn nhất so với trong truyện cổ?  A. Thạch Sanh đã có nhiều năng lực đặc biệt hơn.  **B. Thạch Sanh được miêu tả đời sống nội tâm, diễn biến tâm lý chi tiết và rõ ràng hơn.**  C. Thạch Sanh được miêu tả ngoại hình chi tiết hơn.  D. Thạch Sanh xuất hiện với tuần suất ít hơn.  Câu 8: Truyện thơ Nôm Thạch Sanh được xếp vào loại truyện thơ Nôm nào?  A. Bác học.  B. Dị bản.  **C. Bình dân.**  D. Dân gian.  Câu 9: Nhận xét về ngôn ngữ của đoạn trích Tiếng đàn giải oan?  A. Xuồng xã, thô tục, nhiều từ ngữ gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân.  **B. Ngôn ngữ bình dân gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân.**  C. Trau chuốt, mỹ lệ, sang trọng, dùng nhiều từ ngữ của các tầng lớp trí thức  D. Mực thước, nghiêm trang, dùng nhiều từ ngữ của học thuyết Nho giáo.  Câu 10: Đâu là điển tích, điển cố được sử dụng trong văn bản Tiếng đàn giải oan?  **A. Trách Tần quên Sở, trách Ngô quên Tề.**  B. Khác nào như cỏ phùng xuân.  C. Lấy đàn mới gảy nhặt khoan tính tình.  D. Biết rằng Thông thực là người bất nhân.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS |  |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn.

***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện: Nham-0981713891-259***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ:* Qua văn bản *Tiếng đàn giải oan*, em rút được bài học gì có nghĩa đối với bản thân (trình bày đoạn văn khoảng 7-10 dòng).  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs. | Hs viết đoạn văn. |

**IV. PHỤ LỤC**

**Tiết 61,62**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CHỮ NÔM VÀ CHỮ QUỐC NGỮ; ĐIỂN TÍCH, ĐIỂN CỐ**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm ở hoạt động *Tìm hiểu Tri thức tiếng Việt* và hoạt động *Luyện tập*.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

- Phân tích được đặc điểm, tác dụng của điển tích, điển cố.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.

- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về kiến thức nền và nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  - GV cho HS chơi trò chơi: nối cụm từ ở cột bên trái với ý nghĩa phù hợp ở cột bên phải.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1. Con ngựa thành Tơroa |  | A. nỗi lòng nhớ nhà, nhớ quê | | 2. ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam |  | B. Chỉ một việc làm có nội ứng, hay một bề ngoài đẹp đẽ nhưng bên trong chứa đầy âm mưu. | | 3. khuynh thành khuynh quốc |  | C. sức mạnh của sắc đẹp ở người phụ nữ. | | 4. gót chân A-sin |  | D. điểm yếu chết người của đối tượng. |   **-** Kể tên các chữ viết của dân tộc ta.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Hs lần lượt nối các cộ.t  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs và dẫ dắt vào bài: Đây chính là các điển tích và ý nghĩa khái quát nhất của chúng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về điển tích, điển cố và các chữ viết của dân tộc. | - Đáp án:  1−B  2−A  3−C  4−D  - Chữ Nôm, chữ quốc ngữ |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:***

- Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ;

- Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của điển tích, điển cố.

***b. Nội dung:*** Hs đọc tri thức tiếng Việt và trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ sau: đọc, tóm tắt nội dung của mục *Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; Điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng* ở mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK để hoàn thành **PHT số 1** và **PHT số 2**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày. Các nhóm khác nghe và nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS khái quát về tri thức tiếng Việt của bài học. | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.**  - Bảng đính kèm phía dưới Phụ lục.  **2. Điển tích, điển cố**  - Phiếu học tập số 1. |
| **PHT số 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Chữ viết**  **tiếng Việt** | **Đặc điểm** | **Lịch sử**  **hình thành** | **Ý nghĩa** | | Chữ Nôm |  |  |  | | Chữ Nôm |  |  |  |   **Gợi ý PHT số 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Chữ viết**  **tiếng Việt** | **Đặc điểm** | **Lịch sử**  **hình thành** | **Ý nghĩa** | | Chữ Nôm | Hệ thống chữ viết của người Việt được xây dựng dựa trên cơ sở chất liệu chữ Hán và âm đọc Hán Việt. | Hình thành vào khoảng thế kỉ VIII – IX và được phát triển, hoàn thiện vào khoảng thế kỉ XIII. | Thành quả văn hoá lớn lao, thể hiện ý thức độc lập, tự chủ của dân tộc và là phương tiện sáng tạo nên nền văn học chữ Nôm đặc sắc. | | Chữ Nôm | Hệ thống chữ viết do một số giáo sĩ phương Tây dựa vào bộ chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt nhằm phục vụ cho việc truyền giảng đạo Thiên Chúa | Ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVII và được cải tiến, hoàn thiện trong vòng hai thế kỉ tiếp theo. | Có nhiều ưu điểm, có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, đồng thời là phương tiện làm nên một nền văn học phong phú – nền văn học chữ Quốc ngữ. |   **PHT số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Khái niệm** |  | | **Đặc điểm** |  | | **Cách nhận biết** |  | | **Tác dụng** |  |   **Gợi ý PHT số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Khái niệm** | Là sự việc, câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong tác phẩm văn học, thường được gọi chung là *điển*. | | **Đặc điểm** | - Có quá trình hình thành và phát triển lâu dài, gắn với văn hoá, văn học của thời xa xưa.  - Để hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố trong tác phẩm, người đọc cần tìm hiểu qua chú giải hoặc tra cứu tài liệu có liên quan. | | **Cách nhận biết** | - Một điển tích, điển cố xuất hiện trong văn bản chỉ là từ ngữ, nhưng đằng sau là một câu chuyện hay sự việc, câu kinh, câu thơ nào đó.  - Điển tích, điển cố được sử dụng trong văn bản của người Việt chủ yếu có nguồn gốc từ Trung Quốc hoặc từ văn học cổ trong nước. Bên cạnh đó, còn có một số điển tích, điển cố xuất phát từ văn học châu Âu. | | **Tác dụng** | Làm cho cách diễn đạt trở nên hàm súc, uyên bác, giàu sức biểu hiện, gián tiếp bộc lộ thái độ, cảm xúc của tác giả, đem lại hứng thú cho người đọc. |   **.** | |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; Phân tích được đặc điểm, tác dụng của điển tích, điển cố.

***b. Nội dung:*** Hs làm bài tập 1,2,3,4 và 5 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Nội dung thực hiện các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  **Bài tập 1:** Câu 1: Xác định điển tích, điển cố và nêu tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển cố trong các trường hợp sau:  a.  *Trướng hùm mở giữa trung quân,*  *Từ Công sánh với phu nhân cùng ngồi.*  *Tiên nghiêm, trống chửa dứt hồi,*  *Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên.*  *(Nguyễn Du, Truyện Kiều)*  b.  *Cho gươn mời đến Thúc lang,*  *Mặt như chàm đổ, mình dường dẽ run.*  *Nàng rằng: “Nghĩa trọng nghìn non,*  *Lâm Tri người cũ, chàng còn nhớ không?*  *Sâm, Thương chẳng vẹn chữ tòng,*  *Tại ai, há đám phụ lòng cố nhân?*  *Gầm trăm cuốn, bạc nghìn cân.*  *Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là. [...]”*  *(Nguyễn Du, Truyện Kiều)*  **Bài tập 2:** Dùng từ điển để tra cứu nghĩa của các thành ngữ dưới đây và cho biết các thành ngữ này gắn với điển tích, điển cố nào.  a. Lá thắm chỉ hồng  b. Tái Ông thất mã  c. Ngưu lang Chức nữ  **Bài tập** **3:** Kể tên một tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm mà em biết. Chỉ ra ít nhất một từ ngữ hoặc hình ảnh mà em thích trong tác phẩm ấy và giải thích lí do em lựa chọn từ ngữ/ hình ảnh như vậy.  **Bài tập 4:** Xác định thành ngữ có trong đoạn trích sau và cho biết hiệu quả của việc sử dụng (những) thành ngữ này:  *Vợ chàng quỷ quái, tinh ma,*  *Phen này kẻ cắp, bà già gặp nhau!*  *Kiến bò miệng chén chưa lâu.*  *Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa!*  *(Nguyễn Du, Truyện Kiều)*  **Bài tập** **5:** Nêu tác dụng của việc sử dụng từ Hán Việt trong ngữ liệu b, bài tập 1.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ. Riêng nhiệm vụ (2), HS có thể thực hiện tại lớp hoặc về nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) 1 - 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét.  (2) HS đánh giá chéo sản phẩm học tập theo cặp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS trên cơ sở tham khảo gợi ý trong SGV. | **Bài tập 1:**  a. (1) Trướng hùm (hổ trướng): Xưa thường dùng da hùm làm thành cái màn lớn để chủ soái họp bàn với các tướng, nên người sau quen dùng chữ “hổ trướng” để chỉ chỗ làm việc của các tướng soái.  (2) Cửa viên (viên môn): Thời xưa, khi đánh trận xa dùng nhiều xe, đóng quân ở đâu thì lấy xe bao quanh làm hàng rào, châu càng xe vào nhau làm cổng ra vào. Vì thế, về sau, người ta gọi của nơi làm việc của các tướng chỉ huy là viên môn.  🡪 Tác dụng: Việc sử dụng các điển này khiến cho cách diễn đạt hàm súc; gợi không khí trang trọng, uy nghiêm cho không gian của phiên toà báo ân, báo oán.  b. Sâm, Thương: Trong vòm trời, sao Sâm và sao Thương cách nhau gần 180 độ, cho nên hễ sao này mọc thì sao kia lặn, không thể nào cùng thấy trong một bầu trời, cho nên “dùng để tỉ dụ sự cách biệt không gặp nhau được” (Đào Duy Anh, Từ điển Truyện Kiều, NXB Văn hoá Thông tin, 2000, tr. 473).  🡪 Tác dụng: Trong hoàn cảnh đối thoại với Thúc Sinh, người mà Thuý Kiều mang ơn, việc sử dụng điển này thể hiện được cách nói trang trọng mà Kiều dành cho Thúc lang, diễn tả được tấm lòng biết ơn, trân trọng của Kiều đối với cố nhân đồng thời làm cho cách diễn đạt trở nên hàm súc và giàu hình ảnh.  **Bài tập 2:**  **a.** **Lá thắm chỉ hồng:** Chỉ duyên số, tiền định trong tình yêu, hôn nhân. Thành ngữ này gắn điển tích, điển cố: Vu Hượu đời Đường kết duyên với nàng cung nữ mà trước đây chàng đã từng đề thơ của mình vào chiếc lá thắm đỏ thả trôi theo dòng nước gửi vào cung cấm; Vi Cố kết duyên với người con gái trước đây chàng đã thuê người giết, vì muốn chống lại duyên phận khi ông tơ cho biết chỉ hồng đã buộc vào chân hai người từ lúc người con gái ấy mới lên ba. (Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, Từ điển thành ngữ Việt Nam, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, năm 1994, tr. 365).  **b.** **Tái Ông thất mã:** Phúc – họa, may - rủi là những điều khó đoán định, khó lường trước được. Thành ngữ gắn với diện tích, điển cố sau: ThượngTái ông có con ngựa quý tự nhiên biến mất, nhiều người đến hỏi thăm, ông nói với họ biết đâu đó lại là điều phúc. Quả nhiên, ít hôm sau ngựa qúy quay về và kéo theo mấy con ngựa khác về cùng. Ông lại nói với mọi người biết đâu đó là điều họa, và đúng vậy, con trai ông mải mê phi ngựa, chẳng may ngã gãy chân. Thượng Tái ông lại nói với mọi người biết đâu đó lại là điều phúc. Ít lâu sau có giặc, trai trẻ trong làng đều phải ra trận, nhiều người chẳng bao giờ trở về nữa, riêng con ông vì tàn tật mà được ở lại và sống sót. (Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, Từ điển thành ngữ Việt Nam, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, năm 1994, trang 556).  **c. Ngưu lang Chức nữ:** Chỉ cảnh vợ chồng phải xa nhau biền biệt, ít có điều kiện gặp nhau. Thành ngữ gắn với câu chuyện của đôi vợ chồng Ngưu lang và Chức nữ, bị trời phạt, mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần vào mồng 7 tháng 7 âm lịch. (Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, Từ điển thành ngữ Việt Nam, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, năm 1994, trang 192).  **Bài tập 3:**  **\*** HS có thể kể tên một tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm như:  - Đề đền Sám Nghi Đống (Hồ Xuân Hương)  - Truyện Kiều (Nguyễn Du)  - Qua đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan)  - Bạn đến chơi nhà (Nguyễn Khuyến)  - Tự trào (Trần Tế Xương)  - Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đinh Chiểu)...  - Tự tình (Bài II, Hồ Xuân Hương)  \* HS chọn và chỉ ra ít nhất một từ ngữ hoặc hình ảnh mà em thích trong tác phẩm ấy và giải thích lí do lựa chọn từ ngữ/ hình ảnh ấy. Gợi ý:  Bài thơ Tự tình (Bài II) của Hồ Xuân Hương  *Canh khuya văng vẳng trống canh dồn,*  *Trơ cái hồng nhan mấy nước non.*  *Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,*  *Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.*  *Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,*  *Đâm toạc chân mây đá mấy chòm.*  *Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,*  *Mảnh tình son trẻ tí con con.*  - Hình ảnh ấn tượng nhất “Mảnh tình san sẻ tí con con”  + Mảnh tình - vốn đã ít, đã bé, đã không trọn vẹn lại còn phải "san sẻ" thành ra gần như chẳng còn gì (tí con con) nên càng xót xa, tội nghiệp  => Câu thơ nói lên cả nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa, khi phải ở trong cảnh chồng chung vợ chạ.  **Bài tập 4:**  - Những thành ngữ được sử dụng trong đoạn trích:  + Kẻ cắp bà già gặp nhau (như kẻ cắp gặp bà già): chỉ kẻ tinh ranh, quỷ quyệt lại gặp phải đối thủ mưu sâu, dạn dày kinh nghiệm hơn. Trong đoạn trích, thành ngữ này chỉ sự đối đầu tương xứng giữa Hoạn Thư và Thuý Kiều.  + Kiến bò miệng chén: chỉ ý không còn lối thoát, không sao thoát ra được. Trong dòng thơ Kiến bò miệng chén chưa lâu, thành ngữ *“kiến bò miệng chén”* chỉ tình cảnh khốn khổ, không có lối thoát của Thuý Kiều dưới sự hành hạ của Hoạn Thư cách đây không lâu (Khi biết Thúc Sinh yêu Kiều, Hoạn Thư đã tự nhủ: *Lo gì chuyện ấy mà lo,/ Kiến trong miệng chén thì bò đi đâu.).*  - Tác dụng: Việc tác giả sử dụng các thành ngữ trên trong lời của nhân vật Thuý Kiều giúp miêu tả chính xác nội dung Kiều muốn đề cập; giúp Thúc Sinh hiểu rõ thái độ, dự định và sự quyết liệt của nàng về việc trả thù Hoạn Thư đồng thời làm cho cách diễn đạt trở nên hàm súc, biểu cảm và giàu hình ảnh.  **Bài tập** **5:**  - Một số từ Hán Việt được sử dụng trong đoạn trích: nghĩa, trọng, non, tòng, cổ nhân, tạ, xứng, báo, ân,...  - Tác dụng: Làm cho lời thơ trang trọng; thể hiện thái độ trân trọng, biết ơn của Thuý Kiều khi nói về những ân tình mà Thúc Sinh đã dành cho nàng. |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu***

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** HS sưu tầm, đánh giá một số ngữ liệu.

***c. Sản phẩm:*** Bài làm của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: GV yêu cầu HS sưu tầm ba ngữ liệu (ngoài các ngữ liệu trong SGK) có sử dụng điển tích, điển cố và giải thích ý nghĩa của các điển tích, điển cố đó.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | Gợi ý:   |  |  | | --- | --- | | **Điển cố, điển tích** | **Nguồn gốc, nghĩa** | | Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn (Nguyễn Khuyến) | Điển tích, lấy từ chuyện xưa: “Tương truyền Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn tri âm, sống vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc (Trung Quốc xưa). Bá Nha chơi đàn giỏi. Tử Kỳ nghe tiếng đàn của Bá Nha mà như hiểu tâm can của bạn. Sau khi Tử Kỳ chết, bá Nha đập bỏ đàn vì cho rằng trên đời không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình nữa.”. | | Một hai nghiêng nước nghiêng thành/ Sắc đành đòi một, tài đành hoạ hai (Nguyễn Du – Truyện Kiều) | Điển cố, lấy từ bài ca của Lý Diên Niên (Trung Quốc): “Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc” (Ngoảnh lại một cái làm xiêu thành trì của người, ngoảnh lại cái nữa làm xiêu nước của người.). Câu thơ mượn từ ngữ của bài thơ xưa để diễn tả vẻ đẹp của Thuý Kiều. | | Giường kia treo cũng hững hờ, (Nguyễn Khuyến) | Điển tích, dẫn theo chuyện xưa: “Trần Phồn thời hậu Hán (Trung Quốc) sắm chiếc giường giành riêng cho người bạn thân là Từ Trĩ. Khi bạn đến chơi thì mang giường xuống, khi bạn về thì lại treo cất đi.”. | | Nuôi con những ước về sau,/ Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi. (Nguyễn Du – Truyện Kiều) | Điển tích, lấy từ chuyện xưa bên Trung Quốc: “Vua Vũ Hán Đế kén phò mã, cho công chúa ngồi trên lầu ném quả cầu xuống, ai cướp được thì được làm phò mã”. Câu thơ mượn chuyện này để ngụ ý: Cha mẹ Thuý Kiều mong muốn gả con vào nơi xứng đáng. | | *“Nhớ ơn****chín chữ****cao sâu,*  *Một ngày một ngả bóng dâu tà tà”*  (Nguyễn Du – Truyện Kiều) | - Điển cố này cũng xuất phát từ Kinh Thi. Chín chữ nói về công lao của cha mẹ đối với con cái, đó là: sinh, cúc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phục, phúc.  - Điển cố này trong câu thơ nói đến việc Kiều nghĩ đến công ơn cha mẹ, trong khi nàng chưa có dịp báo đáp được |   . |

**Tiết : 64,65**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

**2. Phẩm chất**

Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Máy chiếu, micro, bảng, phấn, SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động khởi động**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú học tập.

***b. Nội dung:*** HS trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy kể tên một số tác phẩm thuộc thể loại truyện thơ mà em biết  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS | Gợi ý  - Truyện Kiều  - Truyện Lục Vân Tiên  -... |

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết để xác định nhiệm vụ học tập.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau: *Dựa vào yêu cầu cần đạt và đề mục phần kĩ năng Viết, hãy cho biết ở bài học này, em sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào.*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập. | Nhiệm vụ học tập: HS học cách viết VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động củng cố kiến thức về kiểu bài**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được hiểu biết nền liên quan đến kiểu VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Nội dung:*** HS trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:***  Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ sau:  (1) Liệt kê những điều đã biết về kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong thời gian 1 phút, có thể dựa trên những câu hỏi gợi ý sau: Thế nào là một bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học đạt yêu cầu?  (2) Em muốn được rèn luyện thêm kĩ năng gì đối với kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học ở bài học này?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 -2 nhóm HS trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có). Hoặc tất cả các nhóm cùng dán/ đính câu trả lời lên bảng phụ.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. Từ đó, GV dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học mới. | Gợi ý:  (1)  - Về nội dung: phân tích được nội dung chủ đề, nêu và phân tích được tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung.  - Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản.  - Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài: giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  + Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  + Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.  (2) Hs tự trả lời. |

**2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết các yêu cầu về kiểu VB thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu trong SGK.

- Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

***b. Nội dung:*** HS đọc và trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Các câu trả lời của HS về yêu cầu của bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học thông qua việc phân tích VB mẫu.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  (1) Nhóm 2 HS đọc thầm ngữ liệu trong SGKvà thực hiện nhiệm vụ:  - Đối chiếu những phần được đánh số với khung chứa thông tin tương ứng, chỉ ra những từ ngữ cụ thể trong bài viết tại những vị trí ấy thể hiện đặc điểm của kiểu VB được nhắc đến trong khung chứa thông tin.  - Trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.  GV nhắc HS khi làm việc nhóm cần chủ động đề xuất mục đích hợp tác và nỗ lực đạt được mục đích đó.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 - 2 nhóm HS xác định những từ ngữ cụ thể trong bài thể hiện đặc điểm của kiểu VB được nhắc đến trong các khung chứa thông tin. Những nhóm khác nghe, bổ sung. Sau đó, 1 - 2 nhóm HS khác tiếp tục trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo. Các nhóm khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét phần xác định của HS, hướng dẫn HS chỉ ra sự thể hiện của đặc điểm kiểu bài qua một số từ ngữ cụ thể trên bài viết.  - GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS chốt vấn đề | **Câu 1:** Các câu văn thể hiện luận điểm của bài viết: *Về hình thức nghệ thuật, nét độc đáo đầu tiên làm nên sức hấp dẫn của đoạn trích chính là nghệ thuật miêu tả nhân vật*; *Hình thức nghệ thuật của đoạn trích còn hấp dẫn người đọc ở sự kết hợp tài tình giữa yếu tố tự sự và trữ tình*; *Bên cạnh đó, đoạn trích còn thể hiện chủ đề tiêu biểu cho giá trị nội dung của Truyện Kiều: bức tranh hiện thực của một xã hội tha hoá vì đồng tiền và tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả*.  **Câu 2:** Bài viết đã phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*: nghệ thuật miêu tả nhân vật, sự kết hợp tài tình yếu tố tự sự và trữ tình.  **Câu 3:** Nội dung chủ đề của đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều* được làm rõ qua những phương diện: các sự việc chính được kể, chân dung các nhân vật, cách sử dụng ngôn ngữ kể chuyện. Một số điểm cần chú ý khi phân tích chủ đề của một truyện thơ:  - Xác định chủ đề chính của truyện thơ.  - Chủ đề có thể được biểu hiện qua những phương diện hình thức mang đặc trưng của thể loại truyện thơ: cốt truyện, tính chất các sự việc được kể, cách xây dựng nhân vật của truyện thơ, lời của người kể chuyện và lời nhân vật (gồm đối thoại, độc thoại),…  **Câu 4:** Các đoạn văn trong bài viết thường được viết theo kiểu diễn dịch. Tác dụng:  - Giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận nội dung chính của đoạn.  - Giúp người viết triển khai các câu còn lại hướng đến làm rõ câu chủ đề và kiểm soát được mối quan hệ giữa các câu chủ đề với luận đề của bài viết; nhờ đó tránh được việc lạc đề; lan man, xa đề,…  **Câu 5:**  **-** Các phương tiện và phép liên kết được sử dụng trong bài viết: phép nối, phép lặp, phép thế, phép liên tưởng,…  - Tác dụng: tạo sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc cho bài viết.  **Câu 6**: HS tự rút ra những điều cần lưu ý khi phân tích đoạn trích của truyện thơ; trong đó cần chú ý đến việc tìm hiểu vị trí của đoạn trích trong toàn bộ VB truyện thơ; một số hiểu biết cơ bản về truyện thơ chứa đoạn trích,… |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được mục đích, người đọc, đề tài và thu thập tư liệu cần thiết, chuẩn bị cho việc viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Nội dung:*** HS đọc đề bài trong SGK, mục *Hướng dẫn quy trình viết* trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về mục đích, người đọc, đề tài của VB; tư liệu thu thập phục vụ cho việc viết bài văn.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*: Nhóm HS đọc đề bài trong SGK và thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Trả lời các câu hỏi:  - Đề tài của bài viết này là gì? Bài viết này thuộc kiểu VB gì?  - Em chọn viết về tác phẩm truyện thơ nào? Vì sao?  - Mục đích viết bài này là gì?  - Người đọc bài viết của em có thể là ai? Họ có thể đã biết gì về đề tài em sẽ giới thiệu? Họ mong đợi điều gì từ bài viết này?  (2) Chuẩn bị tư liệu theo hướng dẫn trong SGK và hoàn thành phiếu sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhóm tư liệu** | **Thông tin về tư liệu**  **(tên, thời gian công bố, nguồn,…)** | **Tóm tắt nội dung tư liệu cần cho bài viết** | | Bài phê bình, phỏng vấn, tư liệu báo chí,… liên quan đến tác phẩm |  |  | | Ghi chép của bản thân trong quá trình đọc tác phẩm (giấy ghi chú) |  |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ*:  (1) Nhóm HS thực hiện ở lớp.  (2) Nhóm HS thực hiện ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện 1 - 2 nhóm HS trả lời câu hỏi và 1 - 2 nhóm HS khác trình bày tư liệu thu thập được.  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét câu trả lời và kết quả chuẩn bị tư liệu của HS. | **Đề bài:** [Viết bài giới thiệu về Vẻ đẹp của truyện thơ Việt Nam là một trong số những hoạt động mà Câu lạc bộ Văn học trường em tổ chức nhằm khuyến khích học sinh tìm hiểu truyện thơ dân tộc. Để hưởng ứng hoạt động ấy, em hãy chọn một đoạn trích trong một truyện thơ mà mình yêu thích để viết bài phân tích và gửi cho câu lạc bộ.](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/chon-mot-doan-trich-trong-mot-truyen-tho-ma-minh-yeu-thich.jsp) |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý, viết bài**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được các ý cần cho bài viết, lập được dàn ý, viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Nội dung:*** Hs hoàn thiện các PHT

***c. Sản phẩm:*** Dàn ý,bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Ở nhà: Hs tìm ý theo **PHT số 1**, lập dàn ý theo **PHT số 2**  - Trên lớp: Cá nhân HS viết bài theo nội dung hướng dẫn ở phần *Bước 3. Viết bài* trong SGK, đối chiếu với bảng kiểm trong khi viết.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*:  - Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ tìm ý và lập dàn ýtrên lớp.  - Sau khi GV nhận xét và hướng dẫn chỉnh sửa dàn ý, cá nhân HS viết bài trên lớp.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện 1 - 2 nhóm HS trình bày dàn ý của nhóm trên bảng lớp hoặc Padlet. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) hoặc trao đổi, đánh giá chéo dàn ý của nhau.  - Cá nhân HS sẽ trình bày bài viết trọn vẹn trong tiết *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm* được tổ chức trên lớp sau khi đã thực hiện viết bài trọn vẹn ở nhà.  *\* Kết luận, nhận định:* | Hs thực hành   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí đánh giá dàn ý** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Đảm bảo đầy đủ các ý theo yêu cầu của kiểu bài |  |  | | Sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí |  |  | |
| |  |  | | --- | --- | | **PHT số 1: Phiếu tìm ý** | | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | Chủ đề chính của tác phẩm là gì? |  | | Chủ đề ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm |  | | Chủ đề ấy gợi ra thông điệp, suy nghĩ, tình cảm gì ở người đọc? |  | | Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm thể hiện ở những phương diện nào? |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHT số 2: Phiếu Lập dàn ý** | | | |  | **Nhiệm vụ** | **Áp dụng vào đề tài của em** | | **Mở bài** | Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả. |  | | Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật). |  | | **Thân bài** | Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm. |  | | Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các một vài khía cạnh nội dung chủ đề. |  | | Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật. |  | | Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm. |  | | **Kết bài** | Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm. |  | | Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |  |   ***.*** | |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:*** Nhận xét được cho bài viết của bản thân và HS khác trong lớp.

***b. Nội dung:*** Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và đánh giá, nhận xét bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm.

***c. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  (1) Ở nhà: Cá nhân HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự kiểm tra lại bài viết của mình sau khi viết xong và chỉnh sửa.  (2) Trên lớp: Sau khi hoàn thành việc tự chỉnh sửa bài viết ở nhà, nhóm 2 HS đọc và đánh giá lẫn nhau dựa vào bảng kiểm.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* (1) Cá nhân HS thực hiện ở nhà; (2) Nhóm 2 HS thực hiện trên lớp.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) Nhóm 2 HS trao đổi bài viết có dấu vết chỉnh sửa với nhau để đánh giá chéo.  (2) Đại diện 2 - 3 nhóm đôi HS trình bày kết quả đánh giá lẫn nhau trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  - Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong bài viết của HS  - Cách HS nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm. |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***b. Nội dung:*** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***c. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:HS trả lời câu hỏi sau  1. Điều em thích nhất và điều em muốn điều chỉnh ở bài viết này là gì?  2. Từ bài viết này, em rút thêm được kinh nghiệm gì về việc viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học*?*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS ghi lại câu trả lời của bản thân.  *\* Báo cáo, thảo luận:*1 - 2 HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, nhận xét, đánh giá. | Hs tự ghi lại |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng được kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn họcđể phát hiện và điều chỉnh hạn chế của bài viết.

***b. Nội dung:*** Hs chỉnh sửa bài viết.

***c. Sản phẩm:*** Bài văn có chỉnh sửa (lần 2) của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:Từ kết quả nhận xét, đánh giá của bạn và GV, HS tự rút kinh nghiệm và tiếp tục đọc lại bài viết của mình lần thứ 2 để tự thực hiện chỉnh sửa.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: Cá nhân HS về nhà thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố sản phẩm đã hoàn thành trên lớp học ảo của lớp (GV có thể chọn hình thức công bố sản phẩm của HS phù hợp với điều kiện thực tế).  *\* Kết luận, nhận định:* GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với sản phẩm đã được công bố. | Hs thực hiện nhiệm vụ |

**V. PHỤ LỤC**

**BẢNG KIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở bài | Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả. |  |  |
| Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật). |  |  |
| Thân bài | Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm. |  |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các một vài khía cạnh nội dung chủ đề. |  |  |
| Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật. |  |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm. |  |  |
| Kết bài | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ và đặt câu. |  |  |
| Cách mở bài lôi cuốn, hấp dẫn. |  |  |
| Cách kết bài đặc sắc, ấn tượng. |  |  |
| Sử dụng hiệu quả các phép liên kết để tạo sự mạch lạc cho bài viết. |  |  |
| Đặt tên cho các phương tiện trực quan và trích dẫn nguồn (nếu có). |  |  |
| Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. |  |  |

**Tiết 66**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE**

**THỰC HIỆN CUỘC PHỎNG VẤN**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Năng lực**

**1.1 Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**1.2. Năng lực đặc thù**

Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

**2. Phẩm chất**

Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/ viết lông, SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến phỏng vấn và những việc cần chuẩn bị để tiến hành một cuộc phỏng vấn.

- Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về hiểu biết nền liên quan đến phỏng vấn và những việc cần chuẩn bị để thực hiện một cuộc phỏng vấn,nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Trả lời câu hỏi: *Em hiểu thế nào là phỏng vấn, mục đích của phỏng vấn là gì? Những việc cần làm để thực hiện một cuộc phỏng vấn là gì?*  (2) Đọc lướt nội dung phần *Nói và nghe* trong SGK để trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ học tập cần thực hiện ở phần *Nói và nghe* này là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  \* *Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét, tổng hợp các hiểu biết nền của HS và ghi tóm tắt dưới dạng từ/ cụm từ lên bảng phụ, dẫn dắt, giới thiệu bài học.  - GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt nhiệm vụ của phần *Nói và nghe*: HS thực hiện được một cuộc phỏng vấn. | Hs chia sẻ |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu cách thực hiện một cuộc phỏng vấn**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được những thao tác cần thực hiện để tiến hành một cuộc phỏng vấn.

***b. Nội dung:*** Hstìm hiểu cách thực hiện một cuộc phỏng vấn.

***c. Sản phẩm:*** Sơ đồ tóm tắt các bước.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS đọc nội dung được trình bày trong SGK và vẽ sơ đồ tóm tắt các bước cần tiến hành để thực hiện một cuộc phỏng vấn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, trao đổi:* 1 - 2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện. Các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, hướng dẫn HS xác định nội dung cơ bản cần thực hiện ở mỗi bước.  **\* Lưu ý:** Trong quá trình phỏng vấn, người phỏng vấn cần lắng nghe kĩ lời đáp,có thể nêu thêm một vài câu hỏi nhằm làm rõ thông tin và giúp cho cuộc phỏng vấn tự nhiên hơn; trong quá trình phỏng vấn, cả người hỏi và người trả lời cần cóthái độ lịch sự, tôn trọng lẫn nhau. | **Bước 1: Chuẩn bị trước khi phỏng vấn**  **-** Trước khi tiến hành cuộc phỏng vấn, em cần xác định:  + Mục đích của cuộc phỏng vấn là gì?  + Người được phóng vấn là ai?  + Nội dung phỏng vấn gồm những câu hỏi nào?  + Phỏng vấn bằng cách gặp mặt trực tiếp, trực tuyến hay gửi câu hỏi và nhận câu trả lời qua thư điện tử?  **+** Dùng phương tiện gì để ghi lại câu trả lời của người được phỏng vấn?  **Bước 2: Tiến hành phỏng vấn**  **-** Thực hiện phỏng vấn theo các bước như sau:  + Mở đầu: chào hỏi, giới thiệu về người phóng vấn (tên, phóng viên trang thông tin của trường,...) và người được phỏng vấn, giới thiệu khái quát mục đích và nội dung của cuộc phỏng vấn.  + Phần chính:  ++ Lần lượt thực hiên nôi dung nhỏng vấn theo các câu hỏi đã chuẩn bị.  ++ Ghi chép nội dung trả lời của người được phỏng vấn theo từng câu hỏi.  +Kết thúc: cảm ơn và chúc sức khoẻ người được phỏng vấn.  -Ghi chép đầy đủ, chính xác, trung thực nội dung câu trả lời của người đượcphỏng vấn (nếu không dùng thiết bị ghi âm). \*  **Bước 3: Sau khi phỏng vấn**  - Đọc lại nội dung đã ghi chép hoặc nghe và ghi lại nội dung đã ghi âm thành văn bản; có thể trao đổi lại với người được phóng vấn về những nội dung chưa hiểu rõ.  - Biên tập nội dung phỏng vấn: lược bớt những trả lời dài dòng, không làm rõ câu trả lời (lưu ý đảm bảo thế hiện nội dung chính của câu trả lời); trích dẫn nguyên văn một số phần trả lời của người được phỏng vấn để bài phỏng vấn thêm sinh động và tăng độ tin cậy. |

**2. Hoạt động tìm hiểu cách đánh giá kĩ năng thực hiện một cuộc phỏng vấn**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được tiêu chí đánh giá kĩ năng thực hiện một cuộc phỏng vấn.

***b. Nội dun*g:** Hs tìm hiểu cách đánh giá kĩ năng thực hiện một cuộc phỏng vấn

***c. Sản phẩm:*** Nội dung HS trao đổi về các tiêu chí đánh giá kĩ năng nói và nghe của bài học.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc bảng kiểm trong SGKvà xác định những vấn đề chưa rõ cần được giải thích thêm; cách sử dụng bảng kiểm này sao cho hiệu quả.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nghe, trao đổi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, hướng dẫn HS cách sử dụng bảng kiểm. | Bảng kiểm (phụ lục) |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động thực hành kĩ năng phỏng vấn**

***a. Mục tiêu:*** Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

***b. Nội dung:*** HS thực hành kĩ năng phỏng vấn

***c. Sản phẩm:*** Phần thực hiện phỏng vấn của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ sau:  (1) Đọc SGK, xác định tình huống và vai mà từng thành viên đảm nhận trong cuộc phỏng vấn.  (2) Thảo luận để xác định những nội dung cần *chuẩn bị trước khi phỏng vấn* theo hướng dẫn của SGK.  (3) Đóng vai thực hiện phỏng vấn.  *Lưu ý*: Tuỳ theo thời gian của bài học, GV có thể yêu cầu HS lần lượt đổi vai để tiến hành phỏng vấn.  (4) HS đóng vai phóng viên tiến hành các nội dung của *Bước 3: Sau khi phỏng vấn*; sau đó đọc lại nội dung phỏng vấn cho HS đóng vai người được phỏng vấn nghe để kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và trung thực của thông tin.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 - 2 thực hiện phần phỏng vấn trước lớp. Các nhóm khác dùng bảng kiểm kĩ năng phỏng vấn trong SGK để đánh giá phần thực hiện của nhóm trình bày.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét cách HS tiến hành cuộc phỏng vấn và đánh giá lẫn nhau. | Đề bài: Em hãy đóng vai một phóng viên để thực hiện một cuộc phỏng vấn (chủ đề tự chọn)  Gợi ý:  - Phỏng vấn một bạn học sinh vượt khó, học giỏi trong trường  - Phỏng vấn anh/chị cựu học sinh  - Phỏng vấn để trao đổi về phương pháp học tập hiệu quả  - Phỏng vấn về đề kiểm tra, kết quả làm bài kiểm tra  - Phỏng vấn về hiệu quả của các hoạt động trải nghiệm sáng tạo  -... |

**2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm cho bản thân.

***b. Nội dung:*** Hs trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời và lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Mỗi HS rút ra ít nhất một kinh nghiệm cho bản thân sau khi thực hiện hoạt động nói và nghe, sau đó, chia sẻ những kinh nghiệm ấy trước lớp.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày kinh nghiệm rút ra. Các HS khác nghe, trao đổi.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, kết luận về những kinh nghiệm HS cần lưu ý. | Hs tự rút kinh nghiệm. |

**D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN ÔN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***b. Nội dung:*** HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:*** Phần ghi chú của HS về cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV giao cho HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết ôn tập tại lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV sẽ nhận xét về sản phẩm của HS trong tiết ôn tập tại lớp. | Hs trả lời câu hỏi |

**IV. PHỤ LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Cuộc phỏng vấn có đầy đủ ba phần: mở đầu, phần chính, kết thúc. |  |  |
| Chào hỏi người được phỏng vấn. |  |  |
| Giới thiệu về người phỏng vấn, người được phỏng vấn. |  |  |
| Giới thiệu được mục đích/ nội dung của cuộc phỏng vấn. |  |  |
| Làm rõ nội dung cần phỏng vấn bằng hệ thống câu hỏi phù hợp. |  |  |
| Cảm ơn và chúc sức khỏe người được phỏng vấn sau khi kết thúc. |  |  |
| Nói năng lưu loát, diễn đạt mạch lạc. |  |  |
| Người phỏng vấn và người được phỏng vấn có thái độ lịch sự, tôn trọng lẫn nhau. |  |  |

**Bảng kiểm kĩ năng phỏng vấn**

**Tiết 67**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**2. Phẩm chất:**

- Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bảng, phấn/ bút lông.

- SGK, SGV,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS

***b. Nội dung:*** Gv tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”  Câu 1: Văn học Việt Nam được chia thành những dòng văn học nào?  A. Văn học dân gian  B. Văn học viết.  C. Văn học trữ tình.  D. Văn học dân gian và văn học viết.  Câu 2: Văn học Việt Nam gồm những thể loại chính nào?  A. Thơ ca.  B. Văn xuôi.  C. Tự sự, trữ tình và các thể lời nói dân gian.  D. Truyện và các thể lời nói dân gian.  Câu 3: Văn học Viết Việt Nam gồm những bộ phận nào?  A. Văn học chữ Hán và chữ Nôm.  B. Văn học chữ Hán và chữ quốc ngữ.  C. Văn học chữ Nôm, chữ Hán và chữ quốc ngữ.  D. Văn học chữ Hán.  Câu 4: Các thể loại tự sự trong bộ phận văn học chữ Hán chủ yếu được viết bằng hình thức nào?  A. Thơ.  B. Văn xuôi.  C. Văn vần.  D. Đan xen giữa văn xuôi và văn vần.  Câu 5: Thơ trữ tình và các thể truyện trong văn học chữ Nôm chủ yếu được viết bằng hình thức nào?  A. Văn vần.  B. Văn xuôi.  C. Đối đáp.  D. Đan xen giữa văn xuôi và văn vần.  Câu 6: Văn học chữ Hán và chữ Nôm coi trọng điều gì?  A. Tính quy phạm, vẻ đẹp mực thước, cao nhã, ưa sử dụng điển tích, điển cố.  B. Đề cao cái đẹp độc đáo, muôn màu, muôn vẻ.  C. Đề cao cái tôi cá nhân, đề cao sự sáng tạo, vượt ra ngoài quy ước, khuôn phép.  D. Đề cao những chủ đề về tình yêu, tình cảm riêng tư, những khát vọng cá nhân.  Câu 7: Đâu là mô hình cơ bản trong truyện thơ Nôm?  A. Gặp gỡ - đoàn tụ - chia li.  B. Gặp gỡ - chia li – đoàn tụ.  C. Chia li – gặp gỡ - đoàn tụ.  D. Đoàn tụ - chia li – gặp gỡ.  Câu 5: Nhân vật trong truyện thơ Nôm có đặc điểm gì?  A. Những cô gái, chàng trai có nhiều sự thiếu sót, mắc sai lầm sau đó mới trưởng thành và hoàn thiện bản thân.  B. Những cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện nhưng cuộc sống thường gặp nhiều trắc trở, gian nan.  C. Những cô gái, chàng trai tuy ngoại hình có nhiều khiếm khuyết nhưng tâm hồn thanh cao, trong sáng.  D. Những cô gái, chàng trai có vẻ đẹp toàn diện, gặp nhiều may mắn, hạnh phúc trong cuộc sống.  Câu 7: Tìm điển tích, điển cố trong hai câu thơ dưới đây:  *Công danh nam tử còn vương nợ*  *Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu.*  A. Nam tử còn vương nợ.  B. Chuyện Vũ Hầu.  C. Luống thẹn tai nghe.  D. Công danh nam tử.  Câu 8: Điển tích “cù lao chín chữ” có ý nghĩa gì?  A. Là ơn nuôi dưỡng, sinh thành của cha mẹ: sinh, cúc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phục, phúc.  B. Là chín vị anh hùng đã dũng cảm đối đầu với quân Tống để bảo vệ bờ cõi, non sông.  C. Là chín đức tính tốt đẹp của con người cần phải tu dưỡng và rèn luyện.  D. Là vùng đất nổi lên trong phạm vi lòng sông.  Câu 9: Các tác phẩm mượn điển tích Ngưu Lang – Chức Nữ để thể hiện điều gì?  A. Sự tốt đẹp trong tình yêu.  B. Sự phản bội trong tình yêu.  C. Sự cách trở trong tình yêu.  D. Sự môn đăng hộ đối trong tình yêu.  Câu 10: Điển tích, điển cố thường được sử dụng trong giai đoạn văn học nào?  A. Văn học hiện đại.  B. Văn học hậu hiện đại.  C. Văn học kháng chiến.  D. Văn học trung đại.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định.* |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:***

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học. |  |
| Câu 1: Đọc lại văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, Thúy Kiều báo ân, báo oán; Tiếng đàn giải oan và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Đặc điểm nhân vật** | **Đặc điểm lời thoại** | | Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga |  |  | | Thúy Kiều báo ân,  báo oán |  |  |   **Gợi ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Đặc điểm nhân vật** | **Đặc điểm lời thoại** | | *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* | Đặc điểm, tính cách của nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), cụ thể:  - Lục Vân Tiên mang những phẩm chất của người anh húng lí tưởng của nhân dân: anh hùng, hào hiệp, giàu lòng nhân ái, trọng nghĩa khinh tài  - Kiều Nguyệt Nga: gia giáo, nền nếp, hiếu thảo, ân nghĩa thuỷ chung | Ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật, góp phần thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật | | *Thuý Kiều báo ân, báo oán* | Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thuý Kiều, Hoạn Thư được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), cảm xúc, cụ thể:  - Thuý Kiều: thấu hiểu đạo lí nhân nghĩa ở đời (*báo ân rồi sẽ trả thù*); cụ thể là *trọng ân nghĩa, vị tha, tế nhị, khéo léo*; *bao dung, độ lượng*; *mạnh mẽ, quyết liệt*,…  - Hoạn Thư: *khôn ngoan, giảo hoạt, thấu hiểu tâm lí đối phương* | Ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật, góp phần thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật | | *Tiếng đàn giải oan* | Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thạch Sanh chủ yếu được thể hiện qua hành động, tâm trạng, cảm xúc. Chàng là người rất hiền lành, tốt bụng. Biết Lý Thông hại mình nhưng cũng không oán thán, kêu ca | Ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật |   Câu 2: Khi tìm hiểu một truyện thơ, chúng ta cần chú ý những điều gì?  Trả lời:  Những lưu ý khi tìm hiểu một truyện thơ: cốt truyện, nhân vật, lời thoại, chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật, tư tưởng, thông điệp.  Câu 3: Tìm trong văn bản Truyện Lục Vân Tiên hoặc Truyện Kiều ít nhất một cặp lục bát có sử dụng điển tích, điển cố và cho biết tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển cố ấy.  Trả lời:  *Trong Truyện Kiều:*  *Xót người tựa cửa hôm mai,*  *Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ.*  *Sân Lai cách mấy nắng mưa,*  *Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*  - Điển tích: Sân Lai, Gốc tử, quạt nồng ấp lạnh: Nói đến sự thương nhớ, đau xót, lo lắng cho cha mẹ khi Thúy Kiều không thể ở bên cạnh khi nàng không ở cạnh.  **Câu 4:** Vẽ sơ đồ bố cục bài văn phân tích một tác phẩm văn học (phân tích nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật).  HS tự thực hiện dựa trên hiểu biết của bản thân về đặc điểm của kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, miễn là bố cục đủ ba phần mở bài, thân bài, kết bài. Sơ đồ cần trình bày tóm tắt được đặc điểm của từng phần trong bố cục.  **Câu 5:** Để cuộc phỏng vấn có hiệu quả, chúng ta cần lưu ý những gì?  Trả lời:  Để cuộc phóng vấn có hiệu quả, chúng ta cần lưu ý:  - Xác định mục đích, đối tượng, nội dung hình thức phỏng vấn.  - Chuẩn bị những câu hỏi, nội dung phỏng vấn. Ghi chép câu trả lời.  - Cần chuẩn bị kĩ càng trước khi phỏng vấn, thực hiện đầy đủ các bước phỏng vấn  - Sau khi phỏng vấn cần đọc/ nghe kĩ lại nội dung phỏng vấn để biên tập nội dung phỏng vấn chính xác, đầy đủ. | |

**C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CÂU HỎI LỚN CỦA CHỦ ĐIỂM**

***a. Mục tiêu:***Củng cố được kiến thức đã học

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn

***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Câu 6: Qua các văn bản trong bài học này, em có nhận xét gì về khát vọng công lí và cách thể hiện khát vọng ấy trong truyện thơ Nôm và truyện cổ tích thần kì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học. | *Gợi ý:*  Khát vọng công lí - đây là chủ đề nổi bật trong các truyện thơ Nôm bình dân và truyện cổ tích thần kì. Các truyện này thường kết thúc có hậu (nhờ sự trợ giúp của các yếu tố thần kì, kì bí hay các nhân vật mang tính nghĩa hiệp), thoả mãn mơ ước về một xã hội công bằng, về sự thay đổi số phận của các tầng lớp dưới thấp hèn trong xã hội. Qua cuộc đấu tranh nhiều khi không cân sức ấy, tác giả không chỉ tố cáo những tội ác của giai cấp thống trị với quần chúng lao động, với những con người bị áp bức, đè nén lên cuộc đời của nhiều người dân vô tội mà các tác giả của bộ phận văn học này còn có ý thức đề cao phẩm chất tốt đẹp của quần chúng lao động– con người thấp hèn nhất trong xã hội xưa, chịu nhiều oan ức của xã hội. |

**IV. PHỤ LỤC**

**Tiết 68, 69**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**1.2. Năng lực đặc thù:**

- Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Hệ thống được những kiến thức, kĩ năng đã học trong học kì I.

- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học trong học kì I để giải quyết những tình huống tương tự.

**2. Phẩm chất:**

Chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu PHT, sơ đồ, biểu bảng,…

- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT: GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành PHT.

- Sơ đồ, biểu bảng.

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm câu trả lời/ PHT của HS.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện: *Nham-0981713891-259***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Chuyển giao nhiệm vụ:* Chia sẻ về điều mà em tâm đắc và những điều em còn băn khoăn sau khi học xong các chủ điểm trong HKI  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  *\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ*  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  *\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận*  - HS trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  *\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | Hs chia sẻ |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Hoạt động 1: Hoạt động ôn tập nội dung đọc hiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:***

- Hệ thống hoá những đặc trưng của các thể loại đã học trong học kì I.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi 1-8 ở phần Đọc

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Chuyển giao nhiệm vụ:* Hs thảo luận câu 1-8 SGK  *\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ*  - HS tích cực trả lời.  *\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận*  - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  GV nhận xét, chốt kiến thức: |  |
| **Câu 1:** Ngôn ngữ thơ có những đặc điểm gì? Vì sao khi đọc thơ, cần đọc thành tiếng/đọc diễn cảm?  - Đặc điểm của ngôn ngữ thơ: HS tham khảo mục *Ngôn ngữ thơ* ở *phần Tri thức Ngữ văn*, Bài 1. *Thương nhớ quê hương*.  - Khi đọc thơ, cần đọc thành tiếng/ đọc diễn cảm để làm sống dậy hiệu quả tác động của các yếu tố như vần, nhịp, thanh điệu, đối,… của ngôn ngữ thơ; đồng thời giúp người đọc hình dung, cảm nhận rõ hơn về thế giới nội tâm của nhà thơ được thể hiện qua ngôn ngữ thơ. Từ đó, ngôn ngữ thơ có thể dễ dàng tác động trực tiếp đến cảm xúc của người đọc.  **Câu 2:** Nội dung dưới đây đề cập đến cách trình bày thông tin nào trong văn bản thông tin?  Thông tin trong văn bản được tổ chức theo cấu trúc: 1) giới thiệu tổng quan, khái quát về các đối tượng được phân loại; 2) giới thiệu chi tiết từng đối tượng cụ thể.  A. cách trình bày thông tin theo trình tự không gian  B. cách trình bày thông tin theo mức độ quan trọng của thông tin  C. cách trình bày thông tin theo mối quan hệ nhân quả  D. cách trình bày thông tin theo các đối tượng phân loại  Đáp án D.  **Câu 3:** Chọn cụm từ đúng để điền vào chỗ trống trong nhận định dưới đây:  Nhân vật trong .... có thể là con người hay thần linh, ma, quỷ.  Nếu nhân vật là con người, họ thường có nét kì dị khác thường; nếu nhân vật là thần linh, ma, quý, họ thường được nhân hóá, mang hình ảnh, tính cách của con người.  A. truyện thơ Nôm  B. truyện lịch sử  C. truyện truyền kì  D. truyện cười  Đáp án A.  **Câu 4:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các bộ phận của văn học Việt Nam** | | **Tên văn bản văn học đã học ở học kì I** | | Văn học dân gian | |  | | Văn học viết | Văn học chữ Hán |  | | Văn học chữ Nôm |  | | Văn học chữ Quốc ngữ |  |   **Gợi ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các bộ phận của văn học Việt Nam** | | **Tên văn bản văn học đã học ở học kì I** | | Văn học dân gian | | Không có | | Văn học viết | Văn học chữ Hán | *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)  *Truyện lạ nhà thuyền chài* (Lê Thánh Tông) | | Văn học chữ Nôm | *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (Trích *Truyện Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu)  *Thuý Kiều báo ân, báo oán* (Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du)  *Tiếng đàn giải oan* (Truyện thơ Nôm khuyết danh) | | Văn học chữ Quốc ngữ | *Quê hương* (Tế Hanh)  *Bếp lửa* (Bằng Việt)  *Vẻ đẹp của Sông Đà* (Nguyễn Tuân)  *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải)  *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp) |   **Câu 5:** Điền vào cột A tên của thể loại/ kiểu văn bản có đặc điểm tương ứng được miêu tả ở cột B (làm vào vở):   |  |  | | --- | --- | | **A**  **(thể loại/ kiểu văn bản)** | **B**  **(đặc điểm)** | | ................................... | a. Là thể loại có cốt truyện thường theo một trong hai mô hình Gặp gỡ - Tai biến – Đoàn tụ hoặc Nhân – Quả | | ................................... | b. Là thể lọa văn xuôi tự sự thời trung đại, phản ánh hiện thực qua yếu tố kì lạ, hoang đường. | | ................................... | c. Là văn bản được viết để cung cấp thông tin về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. | | ................................... | d. Là văn bản mà người viết cần kết hợp cả cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày chủ quan để tạo sức thuyết phục cho văn bản. | | ................................... | đ. Là thể loại mà ngôn ngữ có đặc điểm hàm súc, ngắn gọn, nhiều hình ảnh, giàu sức gợi, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt, có vần, nhịp thanh điệu, đối... | | ................................... | e. Là văn bản dùng để ghi lại thông tin của việc trao đổi về một chủ đề nhất định, trong đó có hệ thống câu hỏi và câu trả l |   Gợi ý: 1. Truyện thơ; 2. Truyện truyền kì; 3. VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử; 4. VB nghị luận; 5. Thơ; 6. Bài phỏng vấn.  **Câu 6:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung so sánh** | **Truyện truyền kì** | **Truyện thơ Nôm** | | Điểm giống nhau |  | | | Điểm khác nhau |  |  |   **Gợi ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung so sánh** | **Truyện truyền kì** | **Truyện thơ Nôm** | | Điểm giống nhau | Thể loại tự sự của văn học viết | | | Điểm khác nhau | Viết bằng chữ Hán  Thể loại tự sự được viết bằng văn xuôi, phát triển mạnh ở thế kỉ XVI - XVII.  Cốt truyện: thường sử dụng yếu tố kì ảo, tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hoá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường.  Nhân vật:…… | - Viết bằng chữ Nôm  - Thể loại tự sự được viết bằng văn vần, chủ yếu là thể thơ lục bát, phát triển mạnh vào cuối thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX  - Cốt truyện: thường theo một trong hai mô hình: gặp gỡ (hội ngộ) - tai biến (lưu lạc) - đoàn tụ (đoàn viên), hoặc mô hình nhân - quả (ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ)  - Nhân vật:…  -… |   **Câu 7:** Dựa trên những gì học được từ văn bản Đọc mở rộng theo thể loại ở từng bài học để hoàn thành bảng sau (làm vào vở):   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Bài học** | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Một số nét đặc sắc** | | | **Nội dung** | **Hình thức** | | 1 | Mùa xuân nho nhỏ |  |  |  |  | | 2 | Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước” |  |  |  |  | | 3 | Cột cờ Thủ Ngữ - di tích cổ bên sông Sài Gòn. |  |  |  |  | | 4 | Dế chọi |  |  |  |  | | 5 | Tiếng đàn giải oan |  |  |  |  |   **Gợi ý**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Bài học** | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Một số nét đặc sắc** | | | **Nội dung** | **Hình thức** | | 1 | Mùa xuân nho nhỏ | Thanh Hải | Thơ | Bài thơ là tiếng lòng yêu mến và gắn bó thiết tha với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ muốn được cống hiến, đóng góp một mùa xuân nho nhỏ vào mùa xuân lớn lao của dân tộc. Từ đó mở ra những suy nghĩ về ý nghĩa và giá trị cuộc sống của mỗi cá nhân là sống có ích, có cống hiến cho cuộc đời chung. | Thể thơ 5 chữ gần với điệu dân ca, âm hưởng trong sáng, nhẹ nhàng Bài thơ có nhiều hình ảnh tự nhiên, giản dị, những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng. Đặc biệt, một số hình ảnh cành hoa, con chim, mùa xuân được lặp đi lặp lại và nâng cao, gây ấn tượng đậm đà. Cấu tứ bài thơ chặt chẽ, chủ yếu dựa trên sự phát triển của hình tượng mùa xuân. | | 2 | Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước” | Vũ Dương Quý | Văn nghị luận | Đánh giá đặc sắc của bài Bánh trôi nước (Hồ Xuân Hương). Mượn hình ảnh bánh trôi để nói về người phụ nữ trong xã hội cũ họ bị coi thường về giá trị, không được đi học, đối xử bất công, luôn luôn chịu thiệt thòi. | - Sử dụng luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng hợp lí, thuyết phục.  - Có sự kết hợp thông tin khách quan và ý kiến chủ quan. | | 3 | Cột cờ Thủ Ngữ - di tích cổ bên sông Sài Gòn. | Ngô Nam | Văn bản thông tin | Cung cấp thông tin chi tiết về cột cờ Thủ Ngữ để mọi người hiểu rõ hơn về việc tại sao lại có cột cờ, ý nghĩa lịch sử của di tích mang lại. | Sử dụng nhan đề, đề mục, sa-pô, hình ảnh minh hoạ, các kĩ thuật in ấn (in ngiêng, in đậm,...) để giúp thông tin đến với người đọc rõ ràng, cụ thể hơn. | | 4 | Dế chọi | Bồ Tùng Linh | Truyện truyền kì | Truyện chỉ viết về một gia đình cụ thể là gia đình Thành nhưng với những tình huống may rủi xen kẽ cùng với chi tiết kì ảo đã để lại những ấn tượng khó quên vì những diễn biến bất ngờ và thú vị. Tạo nên tính chất li kì đầy chất quái dị nhưng không kém phần hấp dẫn. Từ đó làm nổi bật lên giá trị hiện thực về một xã hội tàn bạo, đè nén gây ra bao đau thương cho người dân hiền lành lương thiện. Đồng thời thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc, đồng cảm với số phận người dân không quyền không thế. | Sử dụng các yếu tố kì ảo.  Không gia, thời gian, bối cảnh đan xen linh hoạt, độc đáo.  Cốt truyện hấp dẫn. | | 5 | Tiếng đàn giải oan | Khuyết danh | Truyện thơ Nôm | Đoạn trích trên, mượn hình ảnh cây đàn thần, vạch tội kẻ xấu, kẻ bất nhân. Qua đó thể hiện ước mơ và niềm tin của nhân dân ta về đạo đức, công lí xã hội, lí tưởng nhân đạo, lòng yêu chuộng hoà bình, ước mơ và chân lí về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác. | cốt truyện Thạch Sanh thuộc mô hình nhân quả, ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ.  Sự kiện được kể sắp xếp theo trình tự khoa học, hợp lí, hấp dẫn.  Sử dụng hình ảnh thần kì. |   **Câu 8:** Tóm tắt những kinh nghiệm em đã tích lũy được về việc đọc hiểu văn bản nghị luận và văn bản thông tin ở học kì I (làm vào vở):   |  |  | | --- | --- | | **Loại văn bản** | **Bài học kinh nghiệm** | | Văn bản nghị luận |  | | Văn bản thông tin |  |   **Gợi ý**   |  |  | | --- | --- | | **Loại văn bản** | **Bài học kinh nghiệm** | | Văn bản nghị luận | - Lưu ý trong cách đọc hiểu văn bản nghị luận:  + Nắm được luận đề (vấn đề chủ yếu đưa ra để bàn luận).  + Tiếp đó, nắm được hệ thống luận điểm, luận cứ và luận chứng.  + Bố cục của bài văn nghị luận luôn chặt chẽ, mạch lạc, các phần nối kết với nhau theo một trình tự lô-gíc không thể tách rời hay đảo ngược vị trí.  + Các lí lẽ luôn đi kèm bằng chứng cụ thể nên có sức thuyết phục cao, không thể bác bỏ.  + Quan điểm, thái độ của người viết. | | Văn bản thông tin | Những lưu ý khi đọc văn bản thông tin:  + Hiểu rõ mục đích của văn bản.  + Xác định được cấu trúc của văn bản.  + Hiểu những từ ngữ, cách triển khai phù hợp.  + Hiểu được ý nghĩa văn bản muốn truyền tải đến bạn độc.  + Xác định yếu tố phi ngôn ngữ và tác dụng của chúng trong văn bản. |   . | |

**2. Hoạt động 2: Hoạt động ôn tập nội dung tiếng Việt**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng kiến thức về tiếng Việt để giải quyết nhiệm vụ đọc hiểu.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi 1-3 ở phần tiếng Việt.

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần tiếng Việt.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Chuyển giao nhiệm vụ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  *\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ*  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  *\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận*  - HS trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  *\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| **Câu 1:** Liệt kê các đơn vị kiến thức tiếng Việt được học trong học kì 1 và cho ví dụ để hoàn thành bảng sau (làm vào vở):   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bài** | **Kiến thức tiếng Việt trong học kì 1** | **Ví dụ** | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  | | 4 |  |  | | 5 |  |  |   **Gợi ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bài** | **Kiến thức tiếng Việt trong học kì 1** | **Ví dụ** | | 1 | Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng. | - Ruồi đậu mâm xôi đậu.  Lá bàng đang đỏ ngọn cây  Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời.  (Tố Hữu, Tiếng hát sang xuân) | | 2 | Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn. | Đặng Thùy Trâm từng viết: “Đời người phải gặp giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”. | | 3 | Phương tiện phi ngôn ngữ; Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của một số tổ chức quốc tế quan trọng. | Sơ đồ khu di tích thành Cổ Loa  Soạn bài Tiếng Việt | Hay nhất Soạn văn 9 Chân trời sáng tạo | | 4 | Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu. | - Ví dụ đối thoại:  Mẹ tôi nói:  – Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi cùng mẹ con mình lên đường.  – Vâng.  - Ví dụ độc thoại:  Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:  – Hà nắng gớm, về nào….  (Làng – Kim Lân)  - Ví dụ độc thoại nội tâm:  Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lãi cứ giàn ra, Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…  (Làng – Kim Lân)  - Ví dụ về lời dẫn trực tiếp:  Người nói: “Tôi rất thích phim mới của đạo diễn nổi tiếng này, nó thật tuyệt vời và đầy cảm xúc.”  Lời dẫn gián tiếp: Người nói cho biết rằng ông ta rất thích phim mới của đạo diễn nổi tiếng và cho rằng nó đầy cảm xúc. | | 5 | Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; Điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng. | *“Trải qua một cuộc bể dâu*  *Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”*  “Bể dâu” là biến thể của điển cố nguyên gốc “thương hải tang điền”, chỉ sự thay đổi của cuộc đời. |   **Câu 2**: Xác định (các) điển tích, điển cố trong đoạn trích sau và nêu tác dụng của việc sử dụng (các) điển tích, điển cố này:  *Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:*  *- Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rấy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc My Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, la chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.*  (Nguyễn Dữ, Chuyện người con gái Nam Xương)  Gợi ý:  - *Ngọc Mỵ Nương*: được gợi lên từ tích “ngọc trai, giếng nước” trong truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu - Trọng Thuỷ, ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng.  *Cỏ Ngu mĩ*: nhắc đến tích về nàng Ngu Cơ, vợ Hạng Vũ; khi Hạng Vũ thua trận, thế cùng, chạy đến Cai Hạ, nàng rút gươm tự vẫn; tương truyền, hồn Ngu Cơ hoá thành hai khóm cỏ trên mộ, ngày đêm cứ quấn quýt lấy nhau, người ta gọi là cỏ Ngu mĩ nhân, ý nói đến chết vẫn giữ lòng chung thuỷ.  - Tác dụng: việc sử dụng điển *ngọc Mỵ Nương*, *cỏ Ngu mĩ* làm cho việc diễn đạt trở nên hàm súc, giàu sức biểu hiện, gián tiếp bộc lộ thái độ của tác giả đối với Vũ Nương: cảm thương cho nỗi oan khuất và khẳng định tấm lòng thuỷ chung, trong sáng của nàng.  **Câu 3:** Xác định biện pháp tu từ chơi chữ trong các trường hợp sau và nêu tác dụng của biện pháp này:  a.  *Có tài mà cậy chi tài*  *Chữ tài liền với chữ tai một vần.*  (Nguyễn Du, Truyện Kiều)  b.  *Hồng quân với khách hồng quần,*  *Đã xoay đến thế còn vần chưa tha.*  (Nguyễn Du, Truyện Kiều)  Gợi ý:  a.  - Biện pháp tu từ chơi chữ: *Chữ* ***tài*** *liền với chữ* ***tai*** *một vần* 🡪 Biện pháp tu từ chơi chữ được sử dụng dựa trên lối nói gần âm.  - Tác dụng: mang đến một ý nghĩa bất ngờ cho câu thơ, ***tài*** và ***tai*** vốn chỉ khác nhau ở thanh điệu nhưng nghĩa thì hoàn toàn đối nghịch sau. Theo sự chiêm nghiệm đúc kết của tác giả thì những người tài sắc vẹn toàn thường gắn với những tai ương, gian truân, khó khăn trong cuộc đời.  b.  - Biện pháp tu từ chơi chữ: ***Hồng quân*** *với khách* ***hồng quần*** 🡪Biện pháp tu từ chơi chữ được sử dụng dựa trên lối nói gần âm.  - Tác dụng: tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị cho câu thơ. ***Hồng quân*** vốn được dùng để chỉ trời, đấng tạo hoá; còn ***hồng quần***dùng để chỉ người con gái trẻ đẹp thời phong kiến. Hai từ ngữ này có âm gần giống nhau nhưng nghĩa lại rất khác nhau (***hồng quân***: trời,đấng tạo hoá có quyền sắp xếp sự vận hành của vũ trụ, quyết định số phận mọi sinh vật; ***hồng quần***: người con gái trẻ đẹp thời phong kiến không có quyền tự quyết đối với cuộc đời mình).  . | |

**3. Hoạt động 3: Hoạt động ôn tập nội dung viết**

***a. Mục tiêu:*** Hệ thống hoá những kiến thức đã học về viết ở học kì I.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi 1,2 ở phần Viết.

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Viết trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Chuyển giao nhiệm vụ:* Hs thảo luậncác câu hỏi 1,2 ở phần Viết  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  *\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ*  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  *\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận*  - HS trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  *\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| **Câu 1:** Tóm tắt thông tin về các kiểu bài viết đã học ở học kì 1 bằng cách hoàn thành vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Kiểu bài** | **Yêu cầu** | | Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ |  | | Bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó |  | | Bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử |  | | Một truyện kể sáng tạo có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện. |  |   Gợi ý   |  |  | | --- | --- | | **Kiểu bài** | **Yêu cầu** | | Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ | Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về một bài thơ tám chữ.  Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ:  • Trình bày cảm nghĩ của người viết về một bài thơ tám chữ.  • Cấu trúc gồm ba phần:  - Mở đoạn: giới thiệu nhan đề bài thơ, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).  - Thân đoạn: trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về một hoặc vài nét đặc sắc trong nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ về những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.  - Kết đoạn: khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân. | | Bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó | Yêu cầu đối với kiểu văn bản:  • Về nội dung: phân tích được nội dung chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung.  • Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo:  - Mở bài: giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tac giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  - Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  - Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm của bản thân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. | | Bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử | - Mở đầu: nêu tên và giới thiệu khái về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.  - Nội dung chính: trình bày có hệ thống các thông tin liên quan đến các phương diện khác nhau của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử (vị trí toạ lạc; lịch sử hình thành; đặc điểm kiến trúc, cảnh quan,...; giá trị lịch sử, văn hoa; cách thức tham quan;...).  - Kết thúc: đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử; bày tỏ suy nghĩ, tình cảm về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, đưa ra lời mời tham quan (nếu cần).  -  Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, đoạn phim,...) để tăng sự hấp dẫn cho bài nói. | | Một truyện kể sáng tạo có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện. | Yêu cầu đối với kiểu văn bản:  • Có nhân vật, cốt truyện, bối cảnh phù hợp; nội dung có tính giáo dục.  • Thể hiện được sự sáng tạo của người viết về nội dung truyện đã đọc (khơi sâu, nắn lại chủ để, bổ sung nhân vật, sự việc; thay đổi bối cảnh, quan hệ:...) hoặc về hình thức (thay đổi ngôi kể, nhân vật, cách tạo dựng đối thoại, độc thoại, biện pháp tu từ, kết hợp miêu tả, biểu cảm;...).  '• Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.  • Bố cục truyện kể gồm các phần:  - Mở đầu truyện: giới thiệu nhân vật/ bối cảnh/ nội dung chính của truyện kể.  - Diễn biến truyện: thuật lại diễn biến các sự việc trong câu chuyện theo một trình tự hợp lí, thể hiện được khả năng tưởng tượng và cách kể chuyện sáng tạo; có kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện.  - Kết thúc truyện: phù hợp, gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc (tuỳ trường hợp có thể giải thích hoặc khái quát ý nghĩa bài học từ truyện kể). |   **Câu 2:** Nêu những điểm giống và khác nhau về kiểu bài sau: Bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đã học ở Bài 2 và bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện thơ: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đã học ở Bài 5.  Gợi ý  - Điểm giống nhau: đều mang những đặc điểm và yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.  - Điểm khác nhau:  + Bài 2: Nghị luận phân tích một tác phẩm thơ hoặc truyện.  + Bài 5: Nghị luận phân tích một đoạn trích của truyện. | |

**4. Hoạt động 4: Hoạt động ôn tập nội dung nói và nghe**

***a. Mục tiêu:*** Hệ thống hoá những kiến thức đã học về Nói và nghe ở học kì I.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi 1-5 ở phần Nói và nghe

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Nói và nghe trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Chuyển giao nhiệm vụ:* Hs thảo luận câu hỏi 1-5 ở phần Nói và nghe  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  *\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ*  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  *\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận*  - HS trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  *\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |
| Câu 1: Khi tham gia thảo luận về một vấn đề trong đời sống, cần lưu ý những gì?  Gợi ý:  Để thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, chúng ta cần lưu ý:  - Xác định rõ vấn đề cần thảo luận.  - Bao quát được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần được trao đổi thêm...).  - Thể hiện được thái độ tán thành hay phản đối trước những ý kiến đã phát biểu.  - Nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể).  - Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.  Câu 2: Nêu kinh nghiệm của em về cách chuyển nội dung bài viết thành bài nói khi thực hiện các yêu cầu thực hành về nói và nghe ở Bài 3 và Bài 4.  Gợi ý:  Để chuyển nội dung bài viết thành bài nói, em có thể tham khảo một số kinh nghiệm sau đây:  - Đọc và hiểu rõ nội dung bài viết: Trước khi chuyển thành bài nói, em cần đọc và hiểu rõ nội dung bài viết. Điều này giúp em có cái nhìn tổng quan về chủ đề và các ý chính trong bài.  - Tóm tắt và lược bỏ thông tin không cần thiết: Sau khi hiểu rõ nội dung, em có thể tóm tắt và lược bỏ những thông tin không cần thiết để tạo nên một bài nói ngắn gọn và súc tích.  - Xác định cấu trúc bài nói: Trước khi bắt đầu nói, em nên xác định cấu trúc bài nói, bao gồm phần giới thiệu, phần chính và phần kết luận. Điều này giúp em tổ chức ý tưởng một cách logic và dễ hiểu.  - Sử dụng ngôn ngữ phù hợp: Khi chuyển nội dung thành bài nói, em cần sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đối tượng nghe. Tránh sử dụng các thuật ngữ phức tạp và cố gắng diễn đạt một cách rõ ràng và dễ hiểu.  - Luyện tập và tự tin: Cuối cùng, em cần luyện tập và tự tin khi thực hiện bài nói. Luyện tập giúp em cải thiện khả năng diễn đạt và tự tin giúp em truyền đạt thông điệp một cách rõ ràng và hiệu quả.  Câu 3: Chia sẻ một số kinh nghiệm về kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.  Gợi ý:  Để có kỹ năng nghe tốt và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, bạn có thể áp dụng những kinh nghiệm sau:  - Lắng nghe chân thành: Hãy lắng nghe một cách chân thành và tập trung vào người nói. Đặt sự chú ý vào nội dung của ý kiến và cố gắng hiểu rõ ý đồ của người đó.  - Phân tích logic: Hãy phân tích logic của ý kiến bằng cách xem xét các lập luận và bằng chứng mà người đó đưa ra. Kiểm tra tính hợp lý và mạch lạc của lập luận để đánh giá tính thuyết phục của ý kiến.  - Đặt câu hỏi phụ: Sau khi người nói hoàn thành ý kiến của mình, bạn có thể đặt câu hỏi phụ để yêu cầu giải thích hoặc mở rộng ý kiến của họ. Điều này giúp bạn hiểu sâu hơn về quan điểm của người đó và đánh giá tính thuyết phục của ý kiến.  - Tìm hiểu thêm thông tin: Nếu bạn gặp khó khăn trong việc đánh giá tính thuyết phục của một ý kiến, hãy tìm hiểu thêm thông tin về chủ đề đó. Điều này giúp bạn có cái nhìn toàn diện hơn và đưa ra nhận xét chính xác hơn.  - Tôn trọng ý kiến của người khác: Dù bạn đồng ý hay không đồng ý với ý kiến của người khác, hãy luôn tôn trọng quan điểm của họ. Tránh tranh luận và thể hiện sự tôn trọng và sự lắng nghe.  Câu 4: Làm thế nào để kể lại một câu chuyện tưởng tượng cho hấp dẫn, thu hút người nghe?  Gợi ý:  Để kể lại một câu chuyện tưởng tượng hấp dẫn, bạn có thể áp dụng một số nguyên tắc sau đây:  - Xây dựng một thế giới tưởng tượng độc đáo: Tạo ra một thế giới mới với các yếu tố đặc biệt, như những sinh vật kỳ lạ, năng lực siêu phàm, hoặc vùng đất huyền bí. Điều này sẽ thu hút sự tò mò của người nghe.  - Tạo nhân vật độc đáo và đa chiều: Tạo ra những nhân vật có tính cách, mục tiêu và mâu thuẫn riêng. Hãy đảm bảo rằng người nghe có thể đồng cảm và quan tâm đến hành trình của nhân vật chính.  - Xây dựng một câu chuyện có cấu trúc rõ ràng: Bắt đầu từ một tình huống khó khăn hoặc một sự kiện quan trọng, sau đó phát triển câu chuyện thông qua các mốc quan trọng và đạt đến một đỉnh cao hấp dẫn. Cuối cùng, đưa ra một kết thúc thỏa đáng và gây ấn tượng.  - Sử dụng ngôn ngữ hấp dẫn và mô tả sống động: Sử dụng từ ngữ và câu văn sáng tạo để tạo ra hình ảnh mạnh mẽ và sống động trong tâm trí người nghe. Điều này giúp họ hòa mình vào câu chuyện và tưởng tượng được những cảnh vật và cảm xúc.  - Tạo bất ngờ và kích thích trí tưởng tượng: Đặt nhân vật chính vào những tình huống đầy thách thức và đối mặt với những khó khăn không ngờ. Điều này giúp tạo ra sự kích thích và tò mò cho người nghe.  Câu 5: Ghi lại một số kinh nghiệm về kĩ năng đặt câu hỏi phỏng vấn.  Gợi ý:  Để đặt câu hỏi phỏng vấn hiệu quả, bạn có thể áp dụng một số kinh nghiệm sau:  - Chuẩn bị trước: Nghiên cứu về người được phỏng vấn và chủ đề của cuộc phỏng vấn để có kiến thức cơ bản.  - Đặt câu hỏi mở: Sử dụng câu hỏi mở để khám phá ý kiến và suy nghĩ của người được phỏng vấn. Ví dụ: “Bạn có thể chia sẻ về kinh nghiệm làm việc của mình không?”  - Tránh câu hỏi đơn giản: Đặt câu hỏi mà người được phỏng vấn không thể trả lời bằng “có” hoặc “không”. Thay vào đó, hãy tạo ra những câu hỏi mở để khám phá sâu hơn về ý kiến và suy nghĩ của họ.  - Lắng nghe chân thành: Hãy lắng nghe kỹ và tạo không gian cho người được phỏng vấn để chia sẻ ý kiến của mình một cách tự do.  - Đặt câu hỏi phụ: Sau khi người được phỏng vấn trả lời một câu hỏi, bạn có thể đặt câu hỏi phụ để yêu cầu giải thích hoặc mở rộng ý kiến của họ. | |

**D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:***

- Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói, nghe và thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp

***b. Nội dung:*** Gv hướng dẫn hs làm các dạng đề

***c. Sản phẩm học tập:*** Bài làm của học sinh

***d. Tổ chức thực hiện:***

***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Hs làm đề

**Phần I. Đọc hiểu (4.0 điểm)**

***Bài thơ Đôi Mắt***

*Có hoa nào qua mùa không héo?  
 Có tiếng nào giàu đẹp hơn không?  
Mắt em là một dòng sông  
Thuyền anh bơi lội giữa dòng mắt em.  
 Đàn “nguyệt dạ” hương đêm bay lạc  
Gì buồn hơn tiếng vạc lưng chừng?  
 Phép gì khỏi nhớ đừng trông  
Mắt em bỏ túi, vắng lòng đem soi.*

*(Tác giả: Lưu Trọng Lư)*

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản?

Câu 2:Trong bài thơ hình ảnh “ hoa” tượng trưng cho điều gì?

Câu 3: Ý nghĩa của câu "Có hoa nào qua mùa không héo" là gì?

Câu 4:Giải thích câu cuối của bài thơ ‘ Mắt em bỏ túi, vắng lòng đem soi”’

**Phần II Viết (6.0 điểm)**

**Câu 1 *(2.0 điểm)***

Dựa trên bài thơ "Đôi Mắt" của Lưu Trọng Lư, hãy viết một bài nghị luận xã hội khoảng 600 - 800 chữ về vai trò và ý nghĩa của ánh nhìn trong việc kết nối, thấu hiểu và cảm thông giữa con người với nhau.

**Câu 2 *(4.0 điểm)*** Phân tích đoạn thơ sau.

*“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,   
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.  
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,  
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng ?  
Đèn có biết dường bằng chẳng biết,  
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.*[*Buồn*](https://voh.com.vn/song-dep/status-buon-328155.html)*rầu nói chẳng nên lời,  
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.  
Gà eo óc gáy sương năm trống,  
Hoè phất phơ rủ bóng bốn bên.  
Khắc giờ đằng đẳng như niên,  
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.  
Hương gượng đốt hồn đà mê mải,  
Gương gượng soi lệ lại châu chan.   
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,   
Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng.  
Lòng này gửi gió đông có tiện?   
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên Non   
Non Yên dù chẳng tới miền,  
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.   
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.  
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,   
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.  
Cảnh buồn người thiết tha lòng,   
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.”*

*(*Tác giả: Đoàn Thị Điểm *-Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ)*

*\* HS thực hiện nhiệm vụ:* Hs làm cá nhân

*\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:* Hs làm bài trên giấy, nộp cho Gv vào tiết học tiếp theo

*\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**ĐÁP ÁN**

Câu 1.Thể thơ song thất lục bát

Câu 2.Tượng trưng cho vẻ đẹp tình yêu và những kỉ niệm đã qua

Câu 3. Câu thơ này biểu thị sự vô thường, cho rằng không có điều gì tồn tại mãi mãi mà không thay đổi, giống như hoa sẽ héo tàn theo thời gian.

Câu 4: "Đôi mắt em bỏ túi vắng lòng đem soi". Câu thơ này sử dụng phép ẩn dụ, so sánh đôi mắt của người yêu với một vật được bỏ vào túi, nhưng lại cảm thấy trống vắng và cô đơn. Câu thơ gợi lên cảm xúc buồn bã, thiếu vắng tình yêu của người thơ.

**Phần II (6.0 điểm)**

**Câu 1 *(2.0 điểm)***

**-** Giới thiệu bài thơ "Đôi Mắt" của Lưu Trọng Lư, nhấn mạnh về hình ảnh đôi mắt và ánh nhìn.

- Nêu vấn đề: Ánh nhìn không chỉ là một phương tiện để quan sát thế giới, mà còn là cầu nối giữa con người với con người, là biểu hiện của tâm trạng và cảm xúc.

- Phân tích sức mạnh của ánh nhìn:

+ Ánh nhìn có thể biểu đạt cảm xúc, suy nghĩ mà lời nói không thể diễn đạt hết. Đôi mắt có thể phản chiếu tâm trạng của con người, như trong bài thơ "Đôi Mắt" với các hình ảnh gợi cảm xúc.

+ Trong cuộc sống, ánh nhìn có thể truyền tải sự thấu hiểu, chia sẻ, và cả sự cảm thông. Nó có thể làm dịu đi những xung đột, hoặc ngược lại, có thể khơi dậy sự bất đồng nếu mang tính thù địch.

- Ánh nhìn trong các mối quan hệ:

+ Trong tình yêu, ánh nhìn là sự kết nối vô hình, là nơi chứa đựng tình cảm sâu lắng.

+ Trong tình bạn, ánh nhìn có thể là lời động viên, chia sẻ mà không cần đến lời nói.

+ Trong cuộc sống hàng ngày, một ánh nhìn chân thành có thể tạo nên lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau.

- Liên hệ thực tiễn:

+ Dẫn chứng về những tình huống trong cuộc sống mà ánh nhìn đã đóng vai trò quan trọng trong việc thấu hiểu và kết nối con người.

+ Phân tích những hệ quả tiêu cực nếu ánh nhìn bị bỏ qua hoặc hiểu lầm, gây ra những xung đột, xa cách giữa con người với nhau.

- Khẳng định lại vai trò của ánh nhìn trong cuộc sống và các mối quan hệ xã hội.

- Kêu gọi mọi người hãy chú trọng hơn đến ánh nhìn của mình, sử dụng ánh nhìn như một phương tiện để lan tỏa yêu thương, sự thấu hiểu và cảm thông trong cộng đồng.

**Câu 2 *(4.0 điểm)***

**A. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả Đặng Trần Côn và dịch giả Đoàn Thị Điểm

- Giới thiệu tác phẩm Chinh phụ ngâm và đoạn trích tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

**B. Thân bài**

**1. 16 câu đầu: tình cảnh cô đơn lẻ loi của người chinh phụ**

**a. Hành động lặp đi lặp lại trong vô thức**

- "Thầm reo từng bước": bước chân lặng lẽ trên hiên

- "Rủ thác đòi phen": vào phòng buông rèm

Đó là những hành động lặp đi lặp lại một cách vô thức, sự bần thần của người chinh phụ.

- "vắng, thưa": diễn tả sự vắng lặng của không gian, vừa miêu tả sự trống vắng trong lòng của người chinh phụ.

**b. Thao thức trông tin chồng**

- Ban ngày

+ Người chinh phụ gửi gắm vào chim thước

+ Nhưng tin chồng vẫn bặt vô âm tín

- Ban đêm

+ Người chinh phụ thao thức cùng ngọn đèn

+ Thực tế phũ phàng, đèn chỉ là vật vô tri vô giác không thể san se nỗi buồn cùng nàng.

- Hình ảnh so sánh "hoa đèn" và "bóng người"

Hoa đèn là hình ảnh đầu bấc ngọn đèn, khi đèn cháy hết chỉ còn là hoa đèn tàn lụi, cũng như người chinh phụ mòn mỏi chờ chồng.

**c. Cảm nhận của người chinh phụ về ngoại cảnh.**

+ "gà gáy", "sương", "hoè" đây đều là những hình ảnh gắn với làng quê yên bình.

+ Từ láy "eo óc", "phất phơ" diễn tả vẻ hoang vu, đìu hiu của cảnh vật.

Dưới con mắt buồn của người chinh phụ, cảnh vật cũng trở lên tiêu điều, ảm đạm không còn sức sống.

**d. Cảm nhận của người chinh phụ về thời gian**

+ "khắc giờ đằng đẵng", "mối sầu dằng dặc": sự dàn trải củ nỗi nhỡ miên man không dứt

+Biện pháp so sánh kết hợp các từ láy cho thấy sự cảm nhận khác thường về thời gian, mỗi phút trôi qua đều dài như một năm

**e. Hoạt động duy trì nếp sống hằng ngày**

+ "gượng" nhấn mạnh sự gắng gượng của người chinh phụ

Sự mâu thuẫn giữa lý trí và tình cảm

+ Đốt hương để tìm kiếm sự thanh thản nhưng tâm trí lại miên man theo những dự cảm chẳng lành.

+ Trong gương chỉ có một khuôn mặt đầm đìa nước mắt

+ Muốn gảy đàn sắt  đàn cầm nhưng lại lo lắng có điềm gở, sự lo lắng thể hiện nỗi cô đơn và niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi.

**2. Nỗi nhớ nhung của người chinh phụ**

**a. Ước muốn của người chinh phụ**

+ "Gió đông": gió mùa xuân mang theo hơi ấm và sự sống

+ "non yên": điển tích nơi biên ải xa xôi

+ "nghìn vàng": hình ảnh ẩn dụ cho tấm lòng của người chinh phụ

=> Ước muốn của người chinh phụ gửi gắm niềm hy vọng, thương nhớ vào ngọn gió xuân tới nơi biên ải xa xôi.

**b. Nỗi nhớ của người chinh phụ**

- Khoảng cách xa xôi, trắc trở không thể khoả lập, nỗi nhớ vời vợi, đau đáu trong lòng.

- Nỗi nhớ dai dẳng, triền miên, đau đáu.

**C. Kết bài**

Khẳng định nghệ thuật và giá trị của tác phẩm.